

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TT
TỈNH PT**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - HP**

Bản án số: 04/2021/HSST
Ngày 22 - 01 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT, TỈNH PT**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Hồng

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Minh Thân

Ông Nguyễn Thành Lâm

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Tấn - Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh PT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, tỉnh PT tham gia phiên toà:
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2021. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh PT xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2021/TLST-HS ngày 05 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 01 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Cao C, Sinh ngày 29/3/1981, tại huyện X, V; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn HP, xã Y, huyện X, tỉnh V; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 5/12; Con ông Nguyễn Viết Hải và bà Đào Thị Dương; Vợ: Nguyễn Thị H1; Con: Có 03 con; con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2011; Tiền sự: Không;

Tiền án: Có 01 tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2016/HSST ngày 22/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn xử phạt C 02 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. C chấp hành xong hình phạt tháng 2/2019, thi hành án phí tháng 4/2017.

Nhân thân:

+ Bản án số 20/2009/HSST ngày 25/3/2009 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh V xử phạt C 09 tháng tù cho hưởng án treo về tội Trộm cắp tài sản, giá trị tài sản trộm cắp là 715.000 đồng (Bản án này đã được xóa án tích theo Nghị quyết số 33 ngày 19/6/2009 của Quốc hội).

+ Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2011/HSST ngày 18/8/2011 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh PT xử phạt C 20 tháng cải tạo không giam giữ về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và án phí 200.000 đồng. C chấp hành xong hình phạt ngày 28/01/2013, thi hành án phí tháng 12/2011.

+ Bản án hình sự sơ thẩm số 45/2013/HSST ngày 28/8/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh xử phạt C 05 tháng tù về tội “Đánh bạc” với số tiền sử dụng đánh bạc là 4.850.000 đồng hình phạt bổ sung 3.000.000 đồng và án phí 200.000 đồng. C chấp hành xong hình phạt tháng 10/2013, thi hành hình phạt bổ sung tháng 4/2014, án phí tháng 10/2013.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/9/2020. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh PT.(Có mặt);

2. **Nguyễn Anh T**, sinh ngày: 09/3/1980, tại huyện X, tỉnh V; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở : Thôn ĐT, xã Y, huyện X, tỉnh V; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông Nguyễn Viết Hải và bà Đào Thị Dương; Vợ: Nguyễn Thị Hải Y1; Con: Có 02 con; con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không;

- Nhân thân: Bản án số 34/2016/HSST ngày 19/5/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh V xử phạt T 10 tháng tù về tội Đánh bạc, phạt bổ sung 3.000.000 đồng, án phí 200.000 đồng. T đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 25/10/2017, T đã thi hành xong hình phạt bổ sung và án phí tháng 02/2020.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/9/2020 đến ngày 11/12/2020 được thay T biện pháp ngăn chặn từ “Tạm giam” sang “ Bảo lĩnh”. Hiện đang tại ngoại tại nơi cư trú.

- *Người bị hại:*

+ Bà Bùi Thị T1, sinh năm 1940.

Địa chỉ: Khu 12, xã ĐT, huyện TT, tỉnh PT.

+ Cháu Phạm Thu T2, sinh năm 2004

Người giám hộ cho cháu T2: Chị Nguyễn Thị Hậu, sinh năm 1979 (mẹ đẻ cháu T2:

Địa chỉ: Thôn Đồng Tâm, xã Minh Quang, H. U , TP. Z

+ Ông Ngô Đức H, sinh năm 1966 cùng vợ là bà Lê Thị Hương, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Thôn Vồng, xã Minh Quang, huyện U, TP. Z.

+ Ông Đồng Xuân B, sinh năm 1945 cùng vợ là bà Khuất Thị P, sinh năm 1952; Địa chỉ: Khu 8, xã ĐT, huyện TT, tỉnh PT.

+ Bà Trương Thị D, sinh năm 1934

Địa chỉ: Thôn Sỏ, xã Minh Quang, huyện U, TP. Z

+ Bà Ngô Thị M, sinh năm 1953

Địa chỉ: Thôn Vân Hội, xã Phong Vân, huyện U, thành phố Z.

+ Bà Ngô Thị T3, sinh năm 1949 cùng chồng là ông Đào Xuân L, sinh năm 1945; Địa chỉ: Thôn Vân Hội, xã Phong Vân, huyện U, thành phố Z.

+ Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1970

Địa chỉ: Khu 9, xã Tiên Kiên, huyện Lâm Thao, tỉnh PT.

+ Cháu Nguyễn Thị Thùy T4, sinh năm 2009 và cháu Nguyễn Đức Đ, sinh năm 2013; Người giám hộ cho cháu T4 và cháu Đ: Chị Phí Thị Hà, sinh năm 1991 (Mẹ đẻ cháu Đ và cháu T2); Địa chỉ: Khu 13, xã ĐT, huyện TT, tỉnh PT.

+ Cháu Lê Hồng Q, sinh năm 2004 và chị Lê Thị Hương Q1, sinh năm 2002 Người giám hộ cho cháu Quân: Anh Lê Kim Lý, sinh năm 1979 (Bố đẻ của cháu Quân và chị Quỳnh); Đều có địa chỉ: Khu 8, xã Sơn Thủy, huyện TT, tỉnh PT;

+ Bà Lưu Thị Xuân, sinh năm 1953

Địa chỉ: Thôn Hoàng Long, xã Tản Lĩnh, U, Z.

Những người bị hại đều vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1984. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn HP, xã Y, huyện X, tỉnh V.

+ Chị Nguyễn Thị Hải Y1, sinh năm 1987 (Có mặt)
Địa chỉ: Thôn ĐT, xã Y, huyện X, tỉnh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Bị cáo Nguyễn Cao C là đối tượng không có công ăn việc làm ổn định. Do muốn có tiền tiêu sài cá nhân mà không phải lao động, bị cáo đã nảy sinh ý định đi trộm cắp tài sản để chi tiêu cá nhân.

Khoảng cuối năm 2019, bị cáo C đặt vấn đề với bị cáo Nguyễn Anh T, (Thế là anh trai ruột C) để thuê T chở C đi bán hàng. C sẽ trả cho T 500.000 - 600.000 đồng mỗi ngày. T đồng ý. C chuẩn bị 03 cuộn dây điện màu vàng, 03 cuộn dây điện màu đen để trên xe ô tô của T. Vào một ngày cuối năm 2019 (Cường, T không nhớ rõ ngày tháng), C gọi điện thoại cho T đến nhà đón C. T điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios, màu trắng bạc, biển kiểm soát 27A – 022.31 đến nhà đón C. Theo chỉ dẫn của C, T lái xe đến địa phận huyện Ba Bì, thành phố Z. Khi đến trước cổng nhà bà Lưu Thị Xuân, sinh năm 1953, hộ khẩu thường trú: thôn Hoàng Long, xã Tân Lĩnh, huyện U, thành phố Z, C bảo T dừng xe ở ngoài đợi C. C xuống xe đi vào nhà bà Xuân, C gặp bà Xuân và ông Nguyễn Phúc Anh, sinh năm 1954 (chồng bà Xuân) ở nhà. C giới thiệu là công nhân làm đường và muốn để nhờ mấy tạ xi măng tại nhà bà Xuân. Lợi dụng lúc vợ chồng bà Xuân không đề ý, C đã đi vòng ra sau nhà, đi qua bếp, lên buồng ngủ của bà Xuân phát hiện và trộm cắp 01 chiếc máy tính bảng nhãn hiệu Apple, loại Ipad Air, màu ghi xám, bản 64GB không lắp sim để trên giường trong phòng ngủ. Sau đó C đi ra xe bảo T lái xe đi về và không nói cho T biết việc C vừa trộm cắp tài sản. Về đến nhà C trả cho T 500.000 đồng thuê xe, T đã tiêu sài hết. Chiếc máy tính bảng trộm cắp được C giữ lại để sử dụng. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã khám xét thu giữ chiếc máy tính bảng tại nhà C.

Ngày 15/10/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng Ủy ban nhân dân huyện U xác định: “01 chiếc máy tính bảng nhãn hiệu Apple, loại Ipad Air, màu ghi xám, bản 64GB đã qua sử dụng có giá trị là 4.000.000 đồng”.

Cơ quan điều tra trả lại chiếc máy tính bảng cho bà Lưu Thị Xuân. Bà Xuân đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu, đề nghị gì.

Đến khoảng giữa tháng 8/2020, Nguyễn Cao C bàn bạc với Nguyễn Anh T về phương thức và thủ đoạn để cả hai cùng nhau đi trộm cắp tài sản lấy tiền tiêu sài. C, T thống nhất đem theo mấy cuộn dây điện để trên xe ô tô của T, khi đến nhà dân, C, T sẽ giới thiệu là công nhân làm đường xin để nhờ xi măng, sau đó C sẽ tìm sơ hở để trộm cắp tài sản, nếu không thuận lợi T sẽ là người nói chuyện để đánh lạc hướng chủ nhà, tạo thuận lợi để C lục soát trộm cắp tài sản, nếu trộm cắp được tài sản C sẽ chia cho T hoặc C sẽ trả cho T 500.000 đồng – 600.000 đồng/ ngày. Với phương thức, thủ đoạn như trên, trong khoảng thời gian từ tháng 8/2020 đến ngày 08/9/2020, các bị cáo đã cùng nhau thực hiện 10 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn các huyện TT, Lâm Thao, tỉnh PT và huyện U, thành phố Z. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 6 giờ 45 phút, ngày 23/8/2020, Nguyễn Cao C dùng điện thoại nokia 1280 màu xanh, lắp sim số 0984.845.278 gọi điện đến số

0862.990.520 của Nguyễn Anh T bảo T đến đón, T điều khiển xe ô tô Toyota Vios, biển kiểm soát 27A- 022.31 đón và chở C đến nhà anh Lê Kim Lý, sinh năm 1979, hộ khẩu thường trú: khu 8, xã Sơn Thủy, huyện TT, tỉnh PT, lúc này nhà anh Lý chỉ có mẹ anh Lý là bà Nguyễn Thị Hạnh, sinh năm 1934 và con trai anh Lý là cháu Lê Hồng Q, sinh năm 2004 ở nhà. C và T đỗ xe ở ngoài cổng rồi cùng nhau đi vào sân nhà anh Lý, gặp cháu Quân, C đặt vấn đề gửi nhờ xi măng. T dẫn cháu Quân đi ra phía sau nhà để tìm chỗ gửi xi măng, lợi dụng lúc cháu Quân không đề ý, C đi vào trong phòng ngủ thấy có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S màu đỏ để ở trên giường, C lấy chiếc điện thoại đút vào túi quần, sau đó C mở túi xách để ở trên bàn lấy được số tiền 1.012.000 đồng của chị Lê Thị Hương Q1, sinh năm 2002 là con gái của anh Lý. Sau khi trộm cắp được tài sản C đi ra ngoài và ra hiệu cho T ra xe đi về. Chiếc điện thoại trộm cắp được C để sử dụng, quá trình sử dụng C đã làm mất nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Ngày 26/10/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng Ủy ban nhân dân huyện huyện TT xác định: *“01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3, màu đỏ có giá trị là 1.500.000 đồng”*.

Tổng giá trị tài sản bị cáo C và bị cáo T trộm cắp của cháu Quân và chị Quỳnh là 2.512.000 đồng. Quá trình điều tra, gia đình T đã bồi thường cho bị hại, anh Lý đại diện nhận số tiền 2.512.000 đồng và không có yêu cầu, đề nghị gì.

Vụ thứ hai: Sau khi trộm cắp được tài sản tại nhà anh Lý, T và C tiếp tục di chuyển đến khu 13, xã ĐT, huyện TT, tỉnh PT. Đến khoảng hơn 7 giờ ngày 23/8/2020, cả hai đến nhà chị Phí Thị Hà, sinh năm 1991, hộ khẩu thường trú: khu 13, xã ĐT, huyện TT, tỉnh PT, lúc này chị Hà đi vắng, chỉ có 02 con chị Hà là cháu Nguyễn Thị Thùy T4, sinh năm 2009 và cháu Nguyễn Đức Đ, sinh năm 2013 ở nhà. T và C đỗ xe trước cổng và cùng nhau đi vào nhà chị Hà, C hỏi cháu T2 và được biết bố mẹ cháu không có nhà, C hỏi cháu T2 để nhờ xi măng. T đứng nói chuyện với cháu T2 ở phía trước nhà, còn C đi ra phía sau nhà gặp cháu Đ đang chơi điện thoại trong phòng ngủ. C bảo cháu Đ tìm cho C xin cái bao tải, cháu Đ để điện thoại xuống giường đi tìm bao tải cho C, lợi dụng sơ hở C lấy điện thoại Sam Sung A10 màu xanh lắp sim số 0332.644.811 đút vào túi quần rồi đi ra phía trước nhà ra hiệu cho T ra xe đi về. Trên đường về C bán chiếc điện thoại Sam sung A10 cho một người nam giới C không biết tên, địa chỉ được 700.000 đồng. Số tiền bán điện thoại C đã tiêu sài hết. Khi về đến nhà C đưa cho T 1.000.000 đồng, T đã tiêu sài hết, Cơ quan điều tra không thu hồi được chiếc điện thoại Sam sung A10. Ngày 26/10/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng Ủy ban nhân dân huyện huyện TT xác định: *“01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A10, màu xanh có giá trị là 1.200.000 đồng”*.

Quá trình điều tra, gia đình T đã bồi thường cho chị Hà số tiền 1.200.000 đồng. Chị Hà đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu, đề nghị gì.

Vụ thứ ba: Khoảng 9 giờ ngày 24/8/2020, bị cáo T điều khiển xe ô tô Toyota Vios, biển kiểm soát 27A- 022.31 chở bị cáo C đến địa phận huyện Lâm Thao, tỉnh PT. T dừng xe trước cổng nhà chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1970, hộ khẩu thường trú: khu 9, xã Tiên Kiên, huyện Lâm Thao, tỉnh PT. C và T cùng đi vào nhà chị Nhi, lúc này có một mình chị Nhi ở nhà, C giới thiệu với chị Nhi là công nhân làm đường và muốn để nhờ xi măng. Chị Nhi mời T, C vào nhà uống

nước, T ngồi uống nước nói chuyện với chị Nhi, C đi ra sân nhìn thấy 01 chiếc túi xách bằng vải màu đen để ở trên ghế, C mở túi xách trộm cắp được số tiền 3.700.000 đồng. Sau khi lấy được tiền C ra hiệu cho T ra về. Trên đường về C đưa cho T số tiền 600.000 đồng. C và T đã tiêu sài hết số tiền trên.

Quá trình điều tra, gia đình T đã bồi thường cho chị Nguyễn Thị N số tiền 3.700.000 đồng. Chị Nhi đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu, đề nghị gì.

Vụ thứ tư: Sáng ngày 25/8/2020, bị cáo T điều khiển xe ô tô Toyota Vios, biển kiểm soát 27A- 022.31 cùng bị cáo C đến địa phận huyện U, thành phố Z. Khoảng 8 giờ, C và T đến nhà bà Ngô Thị T3, sinh năm 1949, hộ khẩu thường trú: thôn Vân Hội, xã Phong Vân, huyện U, thành phố Z. C và T gặp ông Đào Xuân L, sinh năm 1945 là chồng bà Thịnh ở nhà, C giới thiệu là công nhân công trình muốn để nhờ xi măng ở nhà ông. Ông Lô đồng ý dẫn C và T ra bãi đất trống tìm chỗ để xi măng, T đứng nói chuyện với ông Lô, còn C đi vào trong nhà ông Lô lục soát trộm cắp được số tiền 240.000 đồng. Sau khi lấy được tiền C ra hiệu cho T đi về.

Quá trình điều tra, bà Ngô Thị T3 không yêu cầu T phải bồi thường cho gia đình bà số tiền 240.000 đồng. Bà Thịnh có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Vụ thứ năm: Cùng ngày 25/8/2020, sau khi trộm cắp tài sản ở nhà bà Thịnh, bị cáo C tiếp tục chỉ đường cho T đi quanh khu vực xã Phong Vân. Khoảng 9 giờ, C và T đến nhà bà Ngô Thị My, sinh năm 1953, hộ khẩu thường trú: thôn Vân Hội, xã Phong Vân, huyện U, thành phố Z. C bảo T dừng xe chờ C ở ngoài, một mình C đi vào nhà bà My xin để nhờ xi măng. Lợi dụng lúc bà My đi ra ngoài sân, C đến giường ngủ của bà My và trộm cắp trên đầu giường của bà My số tiền 470.000 đồng rồi ra xe cùng T đi về, trên đường về C đưa cho T số tiền 500.000 đồng. C và T đã tiêu sài hết số tiền trộm cắp được nhà bà Thịnh và bà My.

Quá trình điều tra, gia đình T đã bồi thường cho bà Ngô Thị M số tiền 470.000 đồng, bà My đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu, đề nghị gì. Bà My có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Vụ thứ sáu: Sáng ngày 04/9/2020, bị cáo T tiếp tục điều khiển xe ô tô Toyota Vios, biển kiểm soát 27A- 022.31 chở bị cáo C đi trộm cắp tài sản. Khoảng 6 giờ, C và T tới nhà bà Trương Thị D, sinh năm 1934, hộ khẩu thường trú: thôn Sỏ, xã Minh Quang, huyện U, thành phố Z, một mình C vào gặp bà Dung đang bán hàng tạp hóa tại nhà, T ngồi đợi ở ngoài xe. C đặt vấn đề xin gửi nhờ xi măng, lợi dụng lúc bà Dung đi ra phía sau, C đã trộm cắp một số hàng hóa tại cửa hàng tạp hóa của bà Dung gồm: 04 can dầu ăn nhãn hiệu Neptune loại 5 lít, 04 can dầu ăn nhãn hiệu Neptune loại 2 lít, 01 thùng sữa tươi U, 01 túi bột giặt Omo loại 3kg, 07 lọ tương ớt hiệu Chinsu. C đem ra xe và bảo T chở số tài sản trộm cắp được của bà Dung về nhà C, C và gia đình đã sử dụng hết số tài sản trộm cắp được. Khi về đến nhà C đưa cho T 500.000 đồng, T đã tiêu sài hết.

Ngày 15/10/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng Ủy ban nhân dân huyện huyện U xác định: “04 can dầu ăn hiệu Neptune loại 5 lít trị giá 800.000 đồng, 04 can ăn hiệu Neptune loại 2 lít trị giá 336.000 đồng, 01 thùng sữa tươi U trị giá 185.000 đồng, 01 túi bột giặt Omo loại 3kg trị giá 100.000 đồng, 07 lọ tương ớt Chinsu trị giá 84.000 đồng”. Tổng giá trị tài sản C và T trộm cắp của bà Trương Thị D là 1.505.000 đồng.

Quá trình điều tra, gia đình T đã bồi thường cho bà Trương Thị D số tiền 1.505.000 đồng. Bà Dung đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu đề nghị gì. Bà Dung có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Vụ thứ bảy: Khoảng hơn 5 giờ ngày 07/9/2020, bị cáo T điều khiển xe ô tô Toyota Vios, biển kiểm soát 27A- 022.31 đến nhà đón bị cáo C, cả hai đi lên khu vực xã ĐT, huyện TT, tỉnh PT. Khoảng 7 giờ 30 phút, C và T đến nhà ông Đồng Xuân B, sinh năm 1945, hộ khẩu thường trú: Khu 8, xã ĐT, huyện TT, lúc này có một mình ông Đồng Xuân B ở nhà. C và T vào nhà, giới thiệu với ông Bính là công nhân công trình muốn gửi nhờ xi măng, ông Bính đưa C ra chuồng lợn cũ chỉ chỗ để xi măng, sau đó T ra nói chuyện với ông Bính, C lợi dụng lúc đó đi vào gian buồng bên trái nhà ông Bính thấy có chiếc hòm bằng tôn, C đi ra phòng khách lấy chiếc kéo bằng kim loại cắt móc khóa của hòm tôn lục tìm tài sản nhưng không có gì, C đóng nắp hòm lại đi ra phòng khách dùng chiếc kéo cạy ngăn phía bên trái tủ quần áo, C mở cửa tủ ra bên trong tủ có 01 chiếc túi xách màu nâu, C mở túi xách lấy được số tiền 23.500.000 đồng, C đút tiền vào túi quần, đóng cửa tủ lại đi ra ngoài và ra hiệu cho T đi về. Trên đường về C chia cho T số tiền 11.000.000 đồng, về đến nhà, C đưa cho vợ là Nguyễn Thị H1, sinh năm 1984, hộ khẩu thường trú: thôn Hanh Phúc, xã Y, huyện X, tỉnh V số tiền 10.000.000 đồng, còn lại C giữ 2.500.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ số tiền 23.500.000 đồng của C, T, chị Hải và trả lại cho ông Đồng Xuân B. Ông Bính đã nhận lại số tiền 23.500.000 đồng và không có yêu cầu, đề nghị gì.

Vụ thứ tám: Sáng ngày 08/9/2020, bị cáo T điều khiển xe ô tô Toyota Vios, biển kiểm soát 27A- 022.31 chở bị cáo C đến khu vực xã Minh Quang, huyện U, thành phố Z. Khoảng 8 giờ, C và T đến nhà bà Lê Thị Hương, sinh năm 1971, hộ khẩu thường trú: thôn Vóng, xã Minh Quang, huyện Ba Bì, thành phố Z, C và T vào nhà gặp ông Ngô Đức H, sinh năm 1966 là chồng bà Hương ở nhà. C giới thiệu là công nhân làm đường xin để nhờ xi măng. Sau đó, T nói chuyện với ông Hoàng để tạo điều kiện cho C trộm cắp tài sản. C đã lấy trộm 01 điện thoại di động OPPO A3S màu đỏ để ở trên ghế cạnh bàn uống nước nhà ông Hoàng. Sau đó, C tiếp tục đi ra phía sau nhà ông Hoàng bắt trộm 02 con gà mái trọng lượng khoảng 2kg/1con ở trong bu gà cho vào bao tải. Sau khi trộm cắp được tài sản C ra hiệu cho T ra về. Trên đường về C đem chiếc điện thoại OPPO A3S ra kiểm tra thì thấy không lên nguồn, cho rằng điện thoại bị hỏng C đã vứt bỏ chiếc điện thoại này trên đường đi (Cường không nhớ vị trí đã vứt chiếc điện thoại). Cơ quan điều tra không thu hồi được chiếc điện thoại, còn 02 con gà trộm cắp được C mang về nhà mổ thịt ăn hết.

Ngày 15/10/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng Ủy ban nhân dân huyện huyện U xác định: “02 con gà mái ta có trọng lượng 2kg /1 con có giá trị là 320.000 đồng, 01 chiếc điện thoại OPPO A3S, màu đỏ có giá trị 800.000 đồng”. Tổng giá trị tài sản C và T trộm cắp của bà Hương, ông Hoàng là 1.120.000 đồng. Bà Hương có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Quá trình điều tra, gia đình T đã bồi thường cho gia đình bà Hương, ông Hoàng số tiền 1.120.000 đồng. Bà Hương đã nhận số tiền 1.120.000 đồng và không có yêu cầu, đề nghị gì.

Vụ thứ chín: Cũng trong buổi sáng ngày 08/9/2020, sau khi trộm cắp tài sản nhà bà Lê Thị Hương, bị cáo C tiếp tục chỉ đường cho bị cáo T điều khiển xe đi sang địa bàn xã Minh Quang, huyện U, thành phố Z. Khoảng 9 giờ, C đến nhà chị Nguyễn Thị Hậu, sinh năm 1979, hộ khẩu thường trú: thôn Đồng Tâm, xã Minh Quang, huyện U, thành phố Z. C và T vào nhà chị Hậu, gặp con gái chị Hậu là cháu Phạm Thu T2, sinh năm 2004 ở nhà một mình, C và T giả vờ hỏi mua cây mộc và xin cháu T2 nước uống, lợi dụng lúc cháu T2 không để ý, C đã lấy trộm 01 chiếc điện thoại Samsung Galaxy J4+, màu vàng để trên nóc tủ bên dưới bàn thờ trong phòng khách nhà chị Hậu. Sau khi lấy trộm được tài sản C bảo T ra xe ô tô ra về. Trên đường về, đến địa phận huyện Vĩnh Tường, tỉnh V, C đã bán chiếc điện thoại Samsung Galaxy J4+ cho một người phụ nữ C không biết tên, địa chỉ được 700.000 đồng. Số tiền bán điện thoại C đã tiêu sài hết. Cơ quan điều tra không thu hồi được chiếc điện thoại Samsung Galaxy J4+.

Ngày 15/10/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng Ủy ban nhân dân huyện U xác định: “ 01 chiếc điện thoại Samsung Galaxy J4+, màu vàng có giá trị 800.000 đồng”.

Quá trình điều tra, gia đình Nguyễn Anh T đã tự nguyện bồi thường cho gia đình chị Nguyễn Thị Hậu số tiền 1.500.000 đồng, chị Hậu đã nhận tiền và không có yêu cầu đề nghị gì. Bà Hậu có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Vụ thứ mười: Sáng cùng ngày 08/9/2020, sau khi trộm cắp tài sản nhà chị Hậu, T và C tiếp tục đi qua cầu Đồng Quang sang địa phận xã ĐT, huyện TT, tỉnh PT. Khoảng 9 giờ 30 phút, T đỗ xe trên đường tỉnh lộ 317 đứng chờ, còn C đi xuống vào nhà bà Bùi Thị T1, sinh năm 1940, hộ khẩu thường trú: khu 12, xã ĐT, huyện TT, tỉnh PT. Gặp bà Thi, C đặt vấn đề xin gửi nhờ xi măng, rồi C cùng bà Thi đi ra phía sau nhà bếp và bảo bà dọn dẹp chỗ để xi măng, lợi dụng bà Thi già yếu, không để ý C lên vào gian phòng để đồ giáp với phòng khách, C mở tủ gỗ ở trong phòng lục soát và trộm cắp được số tiền 8.060.000 đồng. Sau khi trộm cắp được C đi ra xe cùng T đi về. Trên đường về C đưa cho T 600.000 đồng, T đã tiêu sài hết, số tiền còn lại C đã tiêu sài hết.

Quá trình điều tra, gia đình bị cáo T đã bồi thường cho bà Bùi Thị T1 số tiền 8.060.000 đồng, bà Thi đã nhận lại tiền và không có yêu cầu đề nghị gì.

Như vậy, bị cáo C đã thực hiện 11 vụ trộm cắp tài sản, trong đó có 05 vụ có giá trị tài sản từ 2.000.000 đồng trở lên, với tổng giá trị tài sản trộm cắp là 47.107.000 đồng. Trong đó, C cùng T thực hiện 10 vụ trộm cắp tài sản, còn 01 trộm cắp tài sản vào cuối năm 2019 tại nhà bà Lưu Thị Xuân ở thôn Hoàng Long, xã Tân Lĩnh, huyện U, thành phố Z là do một mình Nguyễn Cao C thực hiện, khi đó C chưa bàn bạc thỏa thuận với T về việc đi trộm cắp tài sản, và T cũng không biết việc C trộm cắp tài sản nhà bà Xuân, mà chỉ được C thuê lái xe chở C đi. Đối với bị cáo T đã cùng bị cáo C thực hiện 10 vụ trộm cắp tài sản, trong đó có 04 vụ có giá trị tài sản từ 2.000.000 đồng trở lên, với tổng giá trị tài sản trộm cắp là 43.107.000 đồng. Trong vụ án này, các bị hại có nhiều người là người dưới 16 tuổi và người đủ 70 tuổi trở lên.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tạm giữ khi khám xét chỗ ở của bị cáo C: 01 máy tính bảng hiệu Ipad Air màu ghi xám (chiếc máy tính bảng này do C trộm cắp của bà Lưu Thị Xuân); Số tiền 11.000.000 đồng (là số tiền trộm cắp nhà ông Đồng Xuân B, C đưa cho chị Hải 10.000.000 (chị Hải chưa sử

dụng) + 1.000.000 đồng C tiêu sài còn lại); 01 thẻ căn cước công dân mang tên Nguyễn Cao C và 01 ví giả da màu nâu.

Cơ quan điều tra đã tạm giữ khi khám xét chỗ ở của Nguyễn Anh T: 01 điện thoại Iphone 6 màu xám, không lắp sim, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, không lắp sim, 01 sổ tiết kiệm mang tên Nguyễn Thị Hải Y1; 01 Hợp đồng mua bán xe ô tô, 03 cuộn dây điện màu vàng, 03 cuộn dây điện màu đen, tiền Việt Nam: 25.000.000 đồng. Tạm giữ của Nguyễn Anh T: 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios màu bạc, biển kiểm soát 27A – 022.31 (kèm theo các giấy tờ xe), 01 điện thoại OPPO A9 màu xanh, lắp sim 0854.951.125 và 0343.687.252, 01 điện thoại Nokia 150 màu đen lắp sim 0976.256.466 và 0981.290.199, 01 điện thoại OPPO màu trắng, 01 điện thoại Samsung Galaxy S20 không lắp sim, 01 điện thoại Nokia 105 màu đen, lắp sim 0862.990.520, 01 ví giả da màu đen, 01 chiếc kim băng sắt tay cầm bằng nhựa màu đen, 01 chiếc gang tay vải, tiền Việt Nam 13.600.000 đồng (số tiền C đưa 11.000.000 đồng sau khi trộm cắp nhà ông Đồng Xuân B + tiền của cá nhân T 2.600.000 đồng).

Quá trình điều tra, chị Nguyễn Thị H1 (vợ C) đã giao nộp cho cơ quan điều tra 01 chiếc điện thoại Nokia 1280 màu xanh, lắp sim số 0984.845.278 (là điện thoại C dùng liên lạc với T để đi trộm cắp tài sản) và số tiền 1.500.000 đồng, chị Nguyễn Thị Hải Y1 (vợ T) đã tự nguyện nộp số tiền 600.000 đồng.

Đối với số tài sản bị cáo C và bị cáo T trộm cắp của các bị hại, quá trình điều tra, bị cáo T đã tích cực tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho các bị hại, gia đình T đã tự nguyện bồi thường đầy đủ cho các bị hại, người trực tiếp bồi thường là chị Nguyễn Thị Hải Y1, là vợ của bị cáo T. Chị Yến không yêu cầu C và T phải trả cho chị số tiền chị đã bồi thường. Riêng đối với các bị hại là bà Lưu Thị Xuân và ông Đồng Xuân B, đã được Cơ quan điều tra thu hồi lại tài sản và trả lại 01 chiếc Ipad Air cho bà Xuân và số tiền 23.500.000 đồng cho ông Bính.

Đối với chiếc xe ô tô Toyota Vios, màu bạc, biển kiểm soát 27A – 022.31, quá trình điều tra xác định là tài sản chung của gia đình bị cáo T với chị Nguyễn Thị Hải Y1. Chị Yến không biết việc T dùng xe để làm phương tiện đi trộm cắp tài sản nên Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe cho chị Yến, chị Yến đã nhận lại xe cùng các giấy tờ xe và không có yêu cầu đề nghị gì.

Đối với các tài sản thu giữ khi khám xét nơi ở của bị cáo T gồm: 01 điện thoại Iphone 6 màu xám, không lắp sim, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, không lắp sim, 01 hợp đồng mua bán xe, 01 sổ tiết kiệm mang tên Nguyễn Thị Hải Y1, tiền Việt Nam: 25.000.000 đồng, quá trình điều tra xác định là tài sản của chị Nguyễn Thị Hải Y1 không liên quan đến hành vi phạm tội. Cơ quan điều tra đã trả lại những tài sản trên cho chị Yến, chị Yến đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu đề nghị gì.

Đối với những tài sản tạm giữ của bị cáo T gồm: 01 điện thoại OPPO A9 màu xanh, lắp sim 0854.951.125 và 0343.687.252, 01 điện thoại Nokia 150 màu đen lắp sim 0976.256.466 và 0981.290.199, 01 điện thoại OPPO A37F màu trắng, 01 điện thoại Samsung Galaxy S20 không lắp sim, 01 điện thoại Nokia 105 màu đen, lắp sim 0862.990.520, 01 ví giả da màu đen, 01 chiếc kim băng sắt tay cầm bằng nhựa màu đen, 01 chiếc gang tay vải, trong đó có 01 chiếc điện thoại Nokia 105 màu đen, lắp sim 0862.990.520 là chiếc điện thoại T dùng liên lạc với C để đi trộm cắp tài sản, còn lại là tài sản của bị cáo T.

Đối với 03 cuộn dây điện màu vàng, 03 cuộn dây điện màu đen là công cụ phương tiện phạm tội của bị cáo C.

Sau khi hành vi phạm tội của các bị cáo bị phát hiện điều tra làm rõ, Cơ quan CSĐT Công an huyện TT, công an huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ; Công an Huyện Ba Vì thành phố Z đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can về tội “Trộm cắp tài sản” đối với bị cáo Cường và Thế. Đồng thời Cơ quan CSĐT Công an huyện Lâm Thao, công an huyện Ba Vì đã chuyển hồ sơ vụ án đến Công an huyện TT, tỉnh PT để nhập vụ án giải quyết theo thẩm quyền.

Bản cáo trạng số: 02 /CT-VKSTT ngày 04/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, tỉnh PT truy tố bị cáo Nguyễn Cao C tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Anh T tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 137 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, tỉnh PT thay đổi quan điểm và rút truy tố đối với bị cáo C về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử bị cáo C tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự sau khi xem xét lại lý lịch của bị cáo C, xác định bị cáo C chỉ còn 01 tiền án chưa được xóa án tích. Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo T và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, h, i khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Cao C; Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, i khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Anh T

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Cao C và bị cáo Nguyễn Anh T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Cao C từ 21 tháng đến 24 tháng tù; Bị cáo Nguyễn Anh T từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các quy định của pháp luật để giải quyết về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và các vấn đề khác của vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1. Về tố tụng: Đối với những bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại có mặt đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án. Xét thấy bị hại người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã có lời khai thể hiện trong hồ sơ và việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự để tiếp tục xét xử vụ án là phù hợp quy định của pháp luật.

2. Về nội dung vụ án:

[1] Tại phiên tòa cũng như tại cơ quan điều tra các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu, thừa nhận nội dung cáo trạng truy tố là đúng, không oan sai; Lời khai nhận của các bị cáo đều thống nhất với nhau, phù hợp với lời khai của người bị hại và phù hợp với vật chứng thu giữ, cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để khẳng định:

Trong khoảng thời gian cuối năm 2019 trên địa bàn huyện U, thành phố Z, bị cáo Nguyễn Cao C đã một mình thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản và trong khoảng thời gian từ giữa tháng 8/2020 đến tháng 9/2020, trên địa bàn các huyện TT, Lâm Thao, tỉnh PT và huyện U, thành phố Z, bị cáo Nguyễn Cao C đã cùng bị cáo Nguyễn Anh T thực hiện 10 vụ trộm cắp tài sản, trong đó bị cáo C có 05 vụ tài sản trộm cắp có giá trị trên 2.000.000 đồng, với tổng giá trị tài sản trộm cắp là 47.107.000 đồng, bị cáo Nguyễn Anh T đã cùng bị cáo C thực hiện 10 vụ trộm cắp tài sản, trong đó có 04 vụ tài sản trộm cắp có giá trị trên 2.000.000 đồng, với tổng giá trị tài sản trộm cắp là 43.107.000 đồng.

Toàn bộ tài sản bị cáo C và T trộm cắp đã được Cơ quan điều tra đã thu hồi, trả lại cho bị hại và gia đình bị cáo T đã bồi thường cho những người bị hại. Những người bị hại đã nhận lại tài sản đầy đủ và không ai có yêu cầu, đề nghị gì khác. Riêng bà Ngô Thị T3 không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho gia đình bà số tiền 240.000 đồng.

Đối với bị cáo C, mặc dù 05 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản có giá trị trên 2.000.000 đồng nhưng quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa xác định bị cáo sử dụng tiền có được do trộm cắp tài sản để phục vụ cho nhu cầu tiêu xài cá nhân mà không lấy kết quả của việc trộm cắp tài sản làm nguồn sống chính. Do vậy, không áp dụng tình tiết định khung “có tính chất chuyên nghiệp” quy định tại các điểm b Khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự để xử lý đối với bị cáo.

Tại phiên tòa kiểm sát viên thay đổi quan điểm và rút truy tố đối với bị cáo C về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử bị cáo C tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy: Bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2016/HSST ngày 22/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn xử phạt C 02 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, với tình tiết định khung hình phạt là “Tái phạm nguy hiểm”, do trước đó bị cáo bị xét xử về tội “đánh bạc” với số tiền sử dụng đánh bạc là 4.850.000 đồng, được thể hiện tại Bản án hình sự sơ thẩm số 45/2013/HSST ngày 28/8/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh. Tuy nhiên Bản án này bị cáo C đương nhiên được xóa án tích theo Nghị quyết số 41/2017 ngày 20/6/2017 của Quốc hội), như vậy xác định bị cáo C chỉ còn 01 tiền án chưa được xóa án tích. Do đó kiểm sát viên rút truy tố đối với bị cáo C về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là phù hợp quy định của pháp luật.

Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “ Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1, Điều 173 của Bộ luật hình sự, có khung hình phạt đến 03 năm tù.

[2] Về tính chất vụ án, vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo trong vụ án cho thấy:

Các bị cáo đồng phạm trong vụ án. Bị cáo Cường là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo Thế là người giúp sức cho bị cáo Cường một cách tích cực, với tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, xâm phạm đến trật tự an ninh xã hội, ảnh hưởng lớn trong đời sống của cộng đồng dân cư. Do đó cần phải xử phạt các bị cáo hình phạt nghiêm minh, mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của từng bị cáo thấy rằng:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Cường là người có nhân thân xấu: Bản thân C đang có 01 tiền án chưa được xóa án tích, lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, do đó lần phạm tội này bị cáo C phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "tái phạm" quy định tại điểm h Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Các bị cáo C và T còn phải chịu tình tiết tăng nặng là "Phạm tội 02 lần trở lên" và "Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi và người đủ 70 tuổi trở lên" quy định tại điểm g, i khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo C và bị cáo T đều thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình; Các bị cáo có ông nội là Nguyễn Văn Duật là người có công với nước, được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì và chính phủ tặng huân chương chiến thắng hạng 2, bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Ngoài ra bị cáo T đã tích cực tác động gia đình tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại cho các bị hại. Do đó: Bị cáo T được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s Khoản 1 Điều 51 và 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Bị cáo C được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 và 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[3] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5, Điều 173 của Bộ luật hình sự, các bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Tuy nhiên theo xác minh của cơ quan điều tra xác định, bị cáo C và bị cáo T sống cùng gia đình, bản thân chỉ có đồ dùng sinh hoạt cá nhân, không có tài sản riêng có giá trị, nên Hội đồng xét xử miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

- Đối với tài sản mà các bị cáo đã trộm cắp, quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TT đã trao trả cho chủ sở hữu một số tài sản và gia đình các bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho các bị hại gồm: Trả cho bà Lưu Thị Xuân 01 chiếc máy tính bảng nhãn hiệu Apple, loại Ipad Air, màu ghi xám, bản 64GB; Trả cho gia đình anh Lê Kim Lý giá trị tài sản là 2.512.000 đồng; Chị Phí Thị Hà giá trị tài sản số tiền 1.200.000 đồng; chị Nguyễn Thị N số tiền 3.700.000 đồng; Bà Ngô Thị M số tiền 470.000 đồng; Bà Trương Thị D giá trị tài sản với số tiền 1.505.000 đồng; Ông Đồng Xuân B số tiền 23.500.000 đồng; Gia đình bà Lê Thị Hương giá trị tài sản với số tiền 1.120.000 đồng; Bà Nguyễn Thị Hậu giá trị tài sản số tiền 1.500.000 đồng; Bà Bùi Thị T1 số tiền 8.060.000 đồng. Những người bị hại đã nhận đầy đủ tài sản và không yêu cầu gì thêm, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết, tuy nhiên cần xác nhận.

- Đối với bà Ngô Thị T3 không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho gia đình bà số tiền 240.000 đồng và bà không có yêu cầu gì khác, do đó Hội đồng xét xử cần ghi nhận sự tự nguyện của bà Thịnh là phù hợp;

[5] Đối với số tiền chị Nguyễn Thị Hải Y1 bồi thường cho các bị hại thay cho bị cáo C và bị cáo T. Tại phiên tòa, chị Yến tự nguyện không yêu cầu các bị cáo phải trả lại cho chị, nên Hội đồng xét xử cần được ghi nhận.

[6] Đối với chị Nguyễn Thị H1 được bị cáo C đưa cho số tiền 10.000.000 đồng, sau khi biết đó là tài sản do trộm cắp mà có, chị Hải đã giao nộp cho cơ quan điều tra để trả lại cho bị hại. Chị Hải không biết đó là số tiền do bị cáo C

phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với chị Hải là phù hợp.

[7] Về vật chứng:

Đối với chiếc xe ô tô Toyota Vios, màu bạc, biển kiểm soát 27A – 022.31, do bị cáo T mua của ông Nguyễn Duy Đông ở thị trấn Mường Chà, Mường Chà, Điện Biên. Chiếc xe bị cáo T và C sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản. Quá trình điều tra, cơ quan Điều tra xác định chiếc xe ô tô trên là tài sản chung của bị cáo T và chị Nguyễn Thị Hải Y1, nên đã trả lại cho chị Yến chiếc xe cùng các giấy tờ xe. Hội đồng xét xử xét thấy, chiếc xe ô tô là phương tiện duy nhất để gia đình bị cáo cùng vợ là chị Yến sử dụng làm phương tiện kiếm sống hàng ngày, nên chấp nhận việc cơ quan Điều tra trả lại chiếc xe cho gia đình chị Yến, thể hiện sự nhân đạo của pháp luật.

Ngoài ra, Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện TT đã trả lại một số tài sản không liên quan đến tội phạm cho các chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp.

Các vật chứng còn lại được xử lý như sau:

- Đối với: 01 điện thoại Nokia 105 màu đen, (của bị cáo T dùng liên lạc với bị cáo C TCTS) và 01 điện thoại Nokia 1280 màu xanh (của C dùng liên lạc với T TCTS), là vật chứng của vụ án, cần tịch thu sung ngân sách nhà nước. Đồng thời tịch thu tiêu hủy đối với 02 sim điện thoại 0862.990.520 và sim số 0984.845.278 của bị cáo T và bị cáo C để tiêu hủy vì không có giá trị sử dụng.

- Đối với 03 cuộn dây điện màu vàng, mỗi cuộn dài 50m, 03 cuộn dây điện màu đen mỗi cuộn dài 50m của C sử dụng làm công cụ phạm tội, cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

- Đối với: 01 điện thoại OPPO A9 màu xanh, lắp sim 0854.951.125 và 0343.687.252; 01 điện thoại Nokia 150 màu đen lắp sim 0976.256.466 và 0981.290.199; 01 điện thoại OPPO A37F màu trắng, (không lắp sim); 01 điện thoại Samsung Galaxy S20 (không lắp sim); 01 chiếc găng tay vải màu trắng 01 ví giả da màu đen; 01 chiếc kim băng sắt tay cầm bằng nhựa màu đen, là các đồ vật tài sản của bị cáo T không liên quan đến tội phạm, cần trả lại cho bị cáo T là phù hợp.

- Đối với: 01 ví giả da màu nâu; 01 thẻ căn cước công dân mang tên Nguyễn Cao C là của bị cáo C, không liên quan đến tội phạm, cần trả lại cho bị cáo là phù hợp.

- Đối với số tiền Việt Nam: 3.200.000đ; trong đó: 2.600.000 của bị cáo T không liên quan đến tội phạm, cần trả lại cho bị cáo T, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án là phù hợp; số tiền 600.000đ của chị Nguyễn Thị Hải Y1 nộp, cần trả lại cho chị Yến là phù hợp.

[8] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[9] Các quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố là hợp pháp. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, h, i khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Cao C;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, i khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Anh T

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Cao C và bị cáo Nguyễn Anh T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Cao C 22 (Hai mươi hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 10/9/2020.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh T 13 (Mười ba) tháng tù, được khấu trừ 03 (Ba) tháng, 03 (Ba) ngày tạm giam (Từ ngày 10/9/2020 đến ngày 11/12/2020). Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự:

- Xác nhận các bị hại đã nhận lại tài sản do bị cáo C và bị cáo T đã trộm cắp, gồm: Bà Lưu Thị Xuân 01 chiếc máy tính bảng nhãn hiệu Apple, loại Ipad Air, màu ghi xám, bản 64GB đã qua sử dụng; Trả cho gia đình anh Lê Kim Lý giá trị tài sản là 2.512.000 đồng; Chị Phí Thị Hà giá trị tài sản số tiền 1.200.000 đồng; chị Nguyễn Thị N số tiền 3.700.000 đồng; Bà Ngô Thị M số tiền 470.000 đồng; Bà Trương Thị D giá trị tài sản với số tiền 1.505.000 đồng; Ông Đồng Xuân B số tiền 23.500.000 đồng; Gia đình bà Lê Thị Hương giá trị tài sản với số tiền 1.120.000 đồng; Bà Nguyễn Thị Hậu giá trị tài sản số tiền 1.500.000 đồng; Bà Bùi Thị T1 số tiền 8.060.000 đồng. Những người bị hại đã nhận đầy đủ tài sản và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm.

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà Ngô Thị T3 về việc: Bà Thịnh không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho gia đình bà số tiền 240.000 đồng và bà không có yêu cầu gì khác.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Hải Y1 về việc, không yêu cầu các bị cáo phải trả lại cho chị Yến những khoản tiền mà chị đã bồi thường thay cho các bị cáo trong vụ án này.

Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu, sung ngân sách nhà nước: 01 điện thoại Nokia 105 màu đen của bị cáo T và 01 điện thoại Nokia 1280 màu xanh của C;

- Tịch thu tiêu hủy đối với 02 sim điện thoại 0862.990.520 và sim số 0984.845.278 của bị cáo T và bị cáo C để tiêu hủy;

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 03 cuộn dây điện màu vàng, mỗi cuộn dài 50m, 03 cuộn dây điện màu đen mỗi cuộn dài 50m của bị cáo C

- Trả lại cho bị cáo T: 01 điện thoại OPPO A9 màu xanh, lắp sim 0854.951.125 và 0343.687.252; 01 điện thoại Nokia 150 màu đen lắp sim 0976.256.466 và 0981.290.199; 01 điện thoại OPPO A37F màu trắng, (không lắp sim); 01 điện thoại Samsung Galaxy S20 (không lắp sim); 01 chiếc găng tay vải màu trắng 01 ví giả da màu đen; 01 chiếc kim bằng sắt tay cầm bằng nhựa màu đen.

- Trả lại cho bị cáo C: 01 ví giả da màu nâu; 01 thẻ căn cước công dân mang tên Nguyễn Cao C.

- Trả lại cho bị cáo T số tiền 2.600.000đ (Hai triệu sáu trăm nghìn đồng), nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án;

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị Hải Y1 số tiền 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng).

(Vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT, tỉnh PT đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/01/2021).

Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Cao C và Nguyễn Anh T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo Bản án. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo phần quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu TAND tỉnh PT xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- VKSND h.TT,
- VKSND tỉnh PT;
- CA huyện TT;
- CQ THAHS;
- UBND xã Y(TB);
- Chi cục THADS huyện;
- Sở Tư pháp tỉnh PT;
- Sở Tư pháp tỉnh V;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Hồng

CÁO TRẠNG

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN HUYỆN TT

Căn cứ các Điều 41, 236, 239, 240 và 243 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 60 ngày 08/9/2020; Quyết định bổ sung Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 02, 03 ngày 05/11/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TT, tỉnh PT về tội “Trộm cắp tài sản”;

Căn cứ Quyết định khởi tố bị can số 123, 124 ngày 10/9/2020, Quyết định bổ sung Quyết định khởi tố bị can số 02, 03, 04, 05 ngày 05/11/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TT, tỉnh PT đối với Nguyễn Cao C và Nguyễn Anh T về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 157 ngày 30/10/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện U, thành phố Z về tội “Trộm cắp tài sản”;

Căn cứ Quyết định khởi tố bị can số 231 ngày 30/10/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện U, thành phố Z đối với Nguyễn Cao C về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 65 ngày 16/11/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lâm Thao, tỉnh PT về tội “Trộm cắp tài sản”;

Căn cứ Quyết định khởi tố bị can số 123, 124 ngày 10/9/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lâm Thao, tỉnh PT đối với Nguyễn Cao C và Nguyễn Anh T về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ các Quyết định nhập vụ án hình sự số 03 ngày 24/11/2020, số 04 ngày 26/11/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TT, tỉnh PT;

Căn cứ Bản kết luận điều tra số 62 ngày 07/12/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TT, tỉnh PT.

Trên cơ sở kết quả điều tra đã xác định được như sau:

Do cần tiền tiêu sài cá nhân, nên khoảng cuối năm 2019, Nguyễn Cao C, sinh năm 1981, hộ khẩu thường trú: thôn HP, xã Y, huyện X, tỉnh V đã nảy sinh ý định đi trộm cắp tài sản, do đó C đặt vấn đề với Nguyễn Anh T, sinh năm 1980, hộ khẩu thường trú: thôn ĐT, xã Y, huyện X, tỉnh V (Thế là anh trai ruột C) để thuê T chở C đi bán hàng. C sẽ trả cho T 500.000 -600.000 đồng mỗi ngày. T đồng ý. C chuẩn bị 03 cuộn dây điện màu vàng, 03 cuộn dây điện màu đen để trên xe ô tô của T. Vào một ngày cuối năm 2019 (Cường, T không nhớ rõ ngày tháng), C gọi điện thoại T đến nhà đón C. T điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios, màu trắng bạc, biển kiểm soát 27A – 022.31 đến nhà đón C. Theo chỉ dẫn của C, T lái xe đến địa phận huyện Ba Bì, thành phố Z. Khi đến trước cổng nhà bà Lưu Thị Xuân, sinh năm 1953, hộ khẩu thường trú: thôn Hoàng Long, xã Tân Lĩnh, huyện U, thành phố Z, C bảo T dừng xe ở ngoài đợi C. C xuống xe đi vào nhà bà Xuân, C gặp bà Xuân và ông Nguyễn Phúc Anh, sinh năm 1954 (chồng bà Xuân) ở nhà. C giới thiệu là công nhân làm đường và muốn đề nhờ mấy tạ xi măng tại nhà bà Xuân. Lợi dụng lúc vợ chồng bà Xuân không để ý, C đã đi vòng ra sau nhà, đi qua bếp, lên buồng ngủ của bà Xuân

phát hiện và trộm cắp 01 chiếc máy tính bảng nhãn hiệu Apple, loại Ipad Air, màu ghi xám, bản 64GB không lắp sim để trên giường trong phòng ngủ. Sau đó C đi ra xe bảo T lái xe đi về và không nói cho T biết việc C vừa trộm cắp tài sản. Về đến nhà C trả cho T 500.000 đồng thuê xe, T đã tiêu sài hết. Chiếc máy tính bảng trộm cắp được C giữ lại để sử dụng. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã khám xét thu giữ chiếc máy tính bảng tại nhà C.

Ngày 15/10/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng Ủy ban nhân dân huyện U xác định: “01 chiếc máy tính bảng nhãn hiệu Apple, loại Ipad Air, màu ghi xám, bản 64GB đã qua sử dụng có giá trị là 4.000.000 đồng”.

Cơ quan điều tra trả lại chiếc máy tính bảng cho bà Lưu Thị Xuân. Bà Xuân đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu, đề nghị gì.

Đến khoảng giữa tháng 8/2020, Nguyễn Cao C bàn bạc với Nguyễn Anh T về phương thức và thủ đoạn để cả hai cùng nhau đi trộm cắp tài sản lấy tiền tiêu sài. C, T thống nhất đem theo mấy cuộn dây điện để trên xe ô tô của T, khi đến nhà dân, C, T sẽ giới thiệu là công nhân làm đường xin để nhờ xi măng, sau đó C sẽ tìm sơ hở để trộm cắp tài sản, nếu không thuận lợi T sẽ là người nói chuyện để đánh lạc hướng chủ nhà, tạo thuận lợi để C lục soát trộm cắp tài sản, nếu trộm cắp được tài sản C sẽ chia cho T hoặc C sẽ trả cho T 500.000 đồng – 600.000 đồng/ ngày. Với phương thức, thủ đoạn như trên, trong khoảng thời gian từ tháng 8/2020 đến ngày 08/9/2020, Nguyễn Cao C và Nguyễn Anh T đã cùng nhau thực hiện 10 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn các huyện TT, Lâm Thao, tỉnh PT và huyện U, thành phố Z. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 6 giờ 45 phút, ngày 23/8/2020, Nguyễn Cao C dùng điện thoại nokia 1280 màu xanh, lắp sim số 0984.845.278 gọi điện đến số 0862.990.520 của Nguyễn Anh T bảo T đến đón, T điều khiển xe ô tô Toyota Vios, biển kiểm soát 27A- 022.31 đón và chở C đến nhà anh Lê Kim Lý, sinh năm 1979, hộ khẩu thường trú: khu 8, xã Sơn Thủy, huyện TT, tỉnh PT, lúc này nhà anh Lý chỉ có mẹ anh Lý là bà Nguyễn Thị Hạnh, sinh năm 1934 và con trai anh Lý là cháu Lê Hồng Q, sinh năm 2004 ở nhà. C và T đỗ xe ở ngoài cổng rồi cùng nhau đi vào sân nhà anh Lý, gặp cháu Quân, C đặt vấn đề gửi nhờ xi măng. T dẫn cháu Quân đi ra phía sau nhà để tìm chỗ gửi xi măng, lợi dụng lúc cháu Quân không để ý, C đi vào trong phòng ngủ thấy có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S màu đỏ để ở trên giường, C lấy chiếc điện thoại đút vào túi quần, sau đó C mở túi xách để ở trên bàn lấy được số tiền 1.012.000 đồng. Sau khi trộm cắp được tài sản C đi ra ngoài và ra hiệu cho T ra xe đi về. Chiếc điện thoại trộm cắp được C để sử dụng, quá trình sử dụng C đã làm mất nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Ngày 26/10/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng Ủy ban nhân dân huyện TT xác định: “01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3, màu đỏ có giá trị là 1.500.000 đồng”.

Tổng giá trị tài sản Nguyễn Cao C và Nguyễn Anh T trộm cắp của gia đình anh Lê Kim Lý là 2.512.000 đồng. Quá trình điều tra, gia đình Nguyễn Anh T đã bồi thường cho anh Lý số tiền 2.512.000 đồng. Anh Lý đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu, đề nghị gì.

Vụ thứ hai: Sau khi trộm cắp được tài sản tại nhà anh Lý, T và C tiếp tục di chuyển đến khu 13, xã ĐT, huyện TT, tỉnh PT. Đến khoảng hơn 7 giờ ngày 23/8/2020, cả hai đến nhà chị Phí Thị Hà, sinh năm 1991, hộ khẩu thường trú:

khu 13, xã ĐT, huyện TT, tỉnh PT, lúc này chị Hà đi vắng, chỉ có 02 con chị Hà là cháu Nguyễn Thị Thùy T4, sinh năm 2009 và cháu Nguyễn Đức Đ, sinh năm 2013 ở nhà. T và C đỗ xe trước cổng và cùng nhau đi vào nhà chị Hà, C hỏi cháu T2 và được biết bố mẹ cháu không có nhà, C hỏi cháu T2 để nhờ xi măng. T đứng nói chuyện với cháu T2 ở phía trước nhà, còn C đi ra phía sau nhà gặp cháu Đ đang chơi điện thoại trong phòng ngủ. C bảo cháu Đ tìm cho C xin cái bao tải, cháu Đ để điện thoại xuống giường đi tìm bao tải cho C, lợi dụng sơ hở C lấy điện thoại Sam Sung A10 màu xanh lấp sim số 0332.644.811 đút vào túi quần rồi đi ra phía trước nhà ra hiệu cho T ra xe đi về. Trên đường về C bán chiếc điện thoại Sam sung A10 cho một người nam giới C không biết tên, địa chỉ được 700.000 đồng. Số tiền bán điện thoại C đã tiêu sài hết. Khi về đến nhà C đưa cho T 1.000.000 đồng, T đã tiêu sài hết, Cơ quan điều tra không thu hồi được chiếc điện thoại Sam sung A10.

Ngày 26/10/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng Ủy ban nhân dân huyện TT xác định: “01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A10, màu xanh có giá trị là 1.200.000 đồng”.

Quá trình điều tra, gia đình T đã bồi thường cho chị Hà số tiền 1.200.000 đồng. Chị Hà đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu, đề nghị gì.

Vụ thứ ba: Khoảng 9 giờ ngày 24/8/2020, Nguyễn Anh T điều khiển xe ô tô Toyota Vios, biển kiểm soát 27A- 022.31 chở Nguyễn Cao C đến địa phận huyện Lâm Thao, tỉnh PT. T dừng xe trước cổng nhà chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1970, hộ khẩu thường trú: khu 9, xã Tiên Kiên, huyện Lâm Thao, tỉnh PT. C và T cùng đi vào nhà chị Nhi, lúc này có một mình chị Nhi ở nhà, C giới thiệu với chị Nhi là công nhân làm đường và muốn để nhờ xi măng. Chị Nhi mời T, C vào nhà uống nước, T ngồi uống nước nói chuyện với chị Nhi, C đi ra sân nhìn thấy 01 chiếc túi xách bằng vải màu đen để ở trên ghế, C mở túi xách trộm cắp được số tiền 3.700.000 đồng. Sau khi lấy được tiền C ra hiệu cho T ra về. Trên đường về C đưa cho T số tiền 600.000 đồng. C và T đã tiêu sài hết số tiền trên.

Quá trình điều tra, gia đình Nguyễn Anh T đã bồi thường cho chị Nguyễn Thị N số tiền 3.700.000 đồng. Chị Nhi đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu, đề nghị gì.

Vụ thứ tư: Sáng ngày 25/8/2020, Nguyễn Anh T điều khiển xe ô tô Toyota Vios, biển kiểm soát 27A- 022.31 cùng Nguyễn Cao C đến địa phận huyện U, thành phố Z. Khoảng 8 giờ, C và T đến nhà bà Ngô Thị T3, sinh năm 1949, hộ khẩu thường trú: thôn Vân Hội, xã Phong Vân, huyện U, thành phố Z. C và T gặp ông Đào Xuân L, sinh năm 1945 là chồng bà Thịnh ở nhà, C giới thiệu là công nhân công trình muốn để nhờ xi măng ở nhà ông. Ông Lô đồng ý dẫn C và T ra bãi đất trống tìm chỗ để xi măng, T đứng nói chuyện với ông Lô, còn C đi vào trong nhà ông Lô lục soát trộm cắp được số tiền 240.000 đồng. Sau khi lấy được tiền C ra hiệu cho T đi về.

Quá trình điều tra, bà Ngô Thị T3 không yêu cầu T phải bồi thường cho gia đình bà số tiền 240.000 đồng.

Vụ thứ năm: Cùng ngày 25/8/2020, sau khi trộm cắp tài sản ở nhà bà Thịnh, Nguyễn Cao C tiếp tục chỉ đường cho Nguyễn Anh T đi quanh khu vực xã Phong Vân. Khoảng 9 giờ, C và T đến nhà bà Ngô Thị My, sinh năm 1953, hộ khẩu thường trú: thôn Vân Hội, xã Phong Vân, huyện U, thành phố Z. C bảo T dừng xe chờ C ở ngoài, một mình C đi vào nhà bà My xin để nhờ xi măng.

Lợi dụng lúc bà My đi ra ngoài sân, C đến giường ngủ của bà My và trộm cắp trên đầu giường của bà My số tiền 470.000 đồng rồi ra xe cùng T đi về, trên đường về C đưa cho T số tiền 500.000 đồng. C và T đã tiêu sài hết số tiền trộm cắp được nhà bà Thịnh và bà My.

Quá trình điều tra, gia đình Nguyễn Anh T đã bồi thường cho bà Ngô Thị M số tiền 470.000 đồng, bà My đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu, đề nghị gì.

Vụ thứ sáu: Sáng ngày 04/9/2020, Nguyễn Anh T tiếp tục điều khiển xe ô tô Toyota Vios, biển kiểm soát 27A- 022.31 chở Nguyễn Cao C đi trộm cắp tài sản. Khoảng 6 giờ, C và T tới nhà bà Trương Thị D, sinh năm 1934, hộ khẩu thường trú: thôn Sỗ, xã Minh Quang, huyện U, thành phố Z, một mình C vào gặp bà Dung đang bán hàng tạp hóa tại nhà, T ngồi đợi ở ngoài xe. C đặt vấn đề xin gửi nhờ xi măng, lợi dụng lúc bà Dung đi ra phía sau, C đã trộm cắp một số hàng hóa tại cửa hàng tạp hóa của bà Dung gồm: 04 can dầu ăn nhãn hiệu Neptune loại 5 lít, 04 can dầu ăn nhãn hiệu Neptune loại 2 lít, 01 thùng sữa tươi U, 01 túi bột giặt Omo loại 3kg, 07 lọ tương ớt hiệu Chinsu. C đem ra xe và bảo T chở số tài sản trộm cắp được của bà Dung về nhà C, C và gia đình đã sử dụng hết số tài sản trộm cắp được. Khi về đến nhà C đưa cho T 500.000 đồng, T đã tiêu sài hết.

Ngày 15/10/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng Ủy ban nhân dân huyện huyện U xác định: “04 can dầu ăn hiệu Neptune loại 5 lít trị giá 800.000 đồng, 04 can dầu ăn hiệu Neptune loại 2 lít trị giá 336.000 đồng, 01 thùng sữa tươi U trị giá 185.000 đồng, 01 túi bột giặt Omo loại 3kg trị giá 100.000 đồng, 07 lọ tương ớt Chinsu trị giá 84.000 đồng”. Tổng giá trị tài sản C và T trộm cắp của bà Trương Thị D là 1.505.000 đồng.

Quá trình điều tra, gia đình Nguyễn Anh T đã bồi thường cho bà Trương Thị D số tiền 1.505.000 đồng. Bà Dung đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu đề nghị gì.

Vụ thứ bảy: Khoảng hơn 5 giờ ngày 07/9/2020, Nguyễn Anh T điều khiển xe ô tô Toyota Vios, biển kiểm soát 27A- 022.31 đến nhà đón Nguyễn Cao C, cả hai đi lên khu vực xã ĐT, huyện TT, tỉnh PT. Khoảng 7 giờ 30 phút, C và T đến nhà ông Đồng Xuân B, sinh năm 1945, hộ khẩu thường trú: Khu 8, xã ĐT, huyện TT, lúc này có một mình ông Đồng Xuân B ở nhà. C và T vào nhà, giới thiệu với ông Bính là công nhân công trình muốn gửi nhờ xi măng, ông Bính đưa C ra chuồng lợn cũ chỉ chỗ để xi măng, sau đó T ra nói chuyện với ông Bính, C lợi dụng lúc đó đi vào gian buồng bên trái nhà ông Bính thấy có chiếc hòm bằng tôn, C đi ra phòng khách lấy chiếc kéo bằng kim loại cắt móc khóa của hòm tôn lục tìm tài sản nhưng không có gì, C đóng nắp hòm lại đi ra phòng khách dùng chiếc kéo cạy ngăn phía bên trái tủ quần áo, C mở cửa tủ ra bên trong tủ có 01 chiếc túi xách màu nâu, C mở túi xách lấy được số tiền 23.500.000 đồng, C đút tiền vào túi quần, đóng cửa tủ lại đi ra ngoài và ra hiệu cho T đi về. Trên đường về C chia cho T số tiền 11.000.000 đồng, về đến nhà, C đưa cho vợ là Nguyễn Thị H1, sinh năm 1984, hộ khẩu thường trú: thôn Hanh Phúc, xã Y, huyện X, tỉnh V số tiền 10.000.000 đồng, còn lại C giữ 2.500.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ số tiền 23.500.000 đồng của C, T, chị Hải và trả lại cho ông Đồng Xuân B. Ông Bính đã nhận lại số tiền 23.500.000 đồng và không có yêu cầu, đề nghị gì.

Vụ thứ tám: Sáng ngày 08/9/2020, Nguyễn Anh T điều khiển xe ô tô ô tô Toyota Vios, biển kiểm soát 27A- 022.31 chở Nguyễn Cao C đến khu vực xã Minh Quang, huyện U, thành phố Z. Khoảng 8 giờ, C và T đến nhà bà Lê Thị Hương, sinh năm 1971, hộ khẩu thường trú: thôn Vồng, xã Minh Quang, huyện Ba Bì, thành phố Z, C và T vào nhà gặp ông Ngô Đức H, sinh năm 1966 là chồng bà Hương ở nhà. C giới thiệu là công nhân làm đường xin để nhờ xi măng. Sau đó, T nói chuyện với ông Hoàn để tạo điều kiện cho C trộm cắp tài sản. C đã lấy trộm 01 điện thoại di động OPPO A3S màu đỏ để ở trên ghế cạnh bàn uống nước nhà ông Hoàn. Sau đó, C tiếp tục đi ra phía sau nhà ông Hoàn bắt trộm 02 con gà mái trọng lượng khoảng 2kg/1con ở trong bu gà cho vào bao tải. Sau khi trộm cắp được tài sản C ra hiệu cho T ra về. Trên đường về C đem chiếc điện thoại OPPO A3S ra kiểm tra thì thấy không lên nguồn, cho rằng điện thoại bị hỏng C đã vứt bỏ chiếc điện thoại này trên đường đi (Cường không nhớ vị trí đã vứt chiếc điện thoại). Cơ quan điều tra không thu hồi được chiếc điện thoại, còn 02 con gà trộm cắp được C mang về nhà mổ thịt ăn hết.

Ngày 15/10/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng Ủy ban nhân dân huyện huyện U xác định: “02 con gà mái ta có trọng lượng 2kg /1 con có giá trị là 320.000 đồng, 01 chiếc điện thoại OPPO A3S, màu đỏ có giá trị 800.000 đồng”. Tổng giá trị tài sản C và T trộm cắp của bà Hương, ông Hoàn là 1.120.000 đồng.

Quá trình điều tra, gia đình Nguyễn Anh T đã bồi thường cho gia đình bà Hương, ông Hoàn số tiền 1.120.000 đồng. Bà Hương đã nhận số tiền 1.120.000 đồng và không có yêu cầu, đề nghị gì.

Vụ thứ chín: Cũng trong buổi sáng ngày 08/9/2020, sau khi trộm cắp tài sản nhà bà Lê Thị Hương, Nguyễn Cao C tiếp tục chỉ đường cho Nguyễn Anh T điều khiển xe đi sang địa bàn xã Minh Quang, huyện U, thành phố Z. Khoảng 9 giờ, C đến nhà chị Nguyễn Thị Hậu, sinh năm 1979, hộ khẩu thường trú: thôn Đồng Tâm, xã Minh Quang, huyện U, thành phố Z. C và T vào nhà chị Hậu, gặp con gái chị Hậu là cháu Phạm Thu T2, sinh năm 2004 ở nhà một mình, C và T giả vờ hỏi mua cây mộc và xin cháu T2 nước uống, lợi dụng lúc cháu T2 không để ý, C đã lấy trộm 01 chiếc điện thoại Samsung Galaxy J4+, màu vàng bề trên nóc tủ bên dưới bàn thờ trong phòng khách nhà chị Hậu. Sau khi lấy trộm được tài sản C bảo T ra xe ô tô ra về. Trên đường về, đến địa phận huyện Vĩnh Tường, tỉnh V, C đã bán chiếc điện thoại Samsung Galaxy J4+ cho một người phụ nữ C không biết tên, địa chỉ được 700.000 đồng. Số tiền bán điện thoại C đã tiêu sài hết. Cơ quan điều tra không thu hồi được chiếc điện thoại Samsung Galaxy J4+.

Ngày 15/10/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng Ủy ban nhân dân huyện huyện U xác định: “ 01 chiếc điện thoại Samsung Galaxy J4+, màu vàng có giá trị 800.000 đồng”.

Quá trình điều tra, gia đình Nguyễn Anh T đã tự nguyện bồi thường cho gia đình chị Nguyễn Thị Hậu số tiền 1.500.000 đồng, chị Hậu đã nhận tiền và không có yêu cầu đề nghị gì.

Vụ thứ mười: Sáng cùng ngày 08/9/2020, sau khi trộm cắp tài sản nhà chị Hậu, T và C tiếp tục đi qua cầu Đồng Quang sang địa phận xã ĐT, huyện TT, tỉnh PT. Khoảng 9 giờ 30 phút, T đỗ xe trên đường tỉnh lộ 317 đứng chờ, còn C đi xuống vào nhà bà Bùi Thị T1, sinh năm 1940, hộ khẩu thường trú: khu 12, xã ĐT, huyện TT, tỉnh PT. Gặp bà Thi, C đặt vấn đề xin gửi nhờ xi măng, rồi C cùng bà Thi đi ra phía sau nhà bếp và bảo bà dọn dẹp chỗ để xi măng, lợi dụng bà Thi già yếu, không để ý C lén vào gian phòng để đồ giáp với phòng khách, C mở tủ gỗ ở trong phòng lục soát và trộm cắp được số tiền 8.060.000 đồng. Sau khi trộm cắp được C đi ra xe cùng T đi về. Trên đường về C đưa cho T 600.000 đồng, T đã tiêu sài hết, số tiền còn lại C đã tiêu sài hết.

Quá trình điều tra, gia đình Nguyễn Anh T đã bồi thường cho bà Bùi Thị T1 số tiền 8.060.000 đồng, bà Thi đã nhận lại tiền và không có yêu cầu đề nghị gì.

Như vậy, Nguyễn Cao C đã thực hiện 11 vụ trộm cắp tài sản, trong đó có 05 vụ có giá trị tài sản từ 2.000.000 đồng trở lên, với tổng giá trị tài sản trộm cắp là **47.107.000** đồng. Trong đó, C cùng T thực hiện 10 vụ trộm cắp tài sản, còn 01 trộm cắp tài sản vào cuối năm 2019 tại nhà bà Lưu Thị Xuân ở thôn Hoàng Long, xã Tân Lĩnh, huyện U, thành phố Z là do một mình Nguyễn Cao C thực hiện, khi đó C chưa bàn bạc thỏa thuận với T về việc đi trộm cắp tài sản, và T cũng không biết việc C trộm cắp tài sản nhà bà Xuân, mà chỉ được C thuê lái xe chở C đi. Đối với Nguyễn Anh T đã cùng Nguyễn Cao C thực hiện 10 vụ trộm cắp tài sản, trong đó có 04 vụ có giá trị tài sản từ 2.000.000 đồng trở lên, với tổng giá trị tài sản trộm cắp là **43.107.000** đồng. Trong vụ án này, các bị hại có nhiều người là người dưới 16 tuổi và người đủ 70 tuổi trở lên.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tạm giữ khi khám xét chỗ ở của Nguyễn Cao C: 01 máy tính bảng hiệu Ipad Air màu ghi xám (chiếc máy tính bảng này do C trộm cắp của bà Lưu Thị Xuân); Số tiền 11.000.000 đồng (là số tiền trộm cắp nhà ông Đồng Xuân B, C đưa cho chị Hải 10.000.000 (chị Hải chưa sử dụng) + 1.000.000 đồng C tiêu sài còn lại); 01 thẻ căn cước công dân mang tên Nguyễn Cao C và 01 ví giả da màu nâu.

Cơ quan điều tra đã tạm giữ khi khám xét chỗ ở của Nguyễn Anh T: 01 điện thoại Iphone 6 màu xám, không lắp sim, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, không lắp sim, 01 sổ tiết kiệm mang tên Nguyễn Thị Hải Y1; 01 Hợp đồng mua bán xe ô tô, 03 cuộn dây điện màu vàng, 03 cuộn dây điện màu đen, tiền Việt Nam: 25.000.000 đồng. Tạm giữ của Nguyễn Anh T: 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios màu bạc, biển kiểm soát 27A – 022.31 (kèm theo các giấy tờ xe), 01 điện thoại OPPO A9 màu xanh, lắp sim 0854.951.125 và 0343.687.252, 01 điện thoại Nokia 150 màu đen lắp sim 0976.256.466 và 0981.290.199, 01 điện thoại OPPO màu trắng, 01 điện thoại Samsung Galaxy S20 không lắp sim, 01 điện thoại Nokia 105 màu đen, lắp sim 0862.990.520, 01 ví giả da màu đen, 01 chiếc kìm bằng sắt tay cầm bằng nhựa màu đen, 01 chiếc gang tay vải, tiền Việt Nam 13.600.000 đồng (số tiền C đưa 11.000.000 đồng sau khi trộm cắp nhà ông Đồng Xuân B + tiền của cá nhân T 2.600.000 đồng).

Quá trình điều tra, chị Nguyễn Thị H1 (vợ C) đã giao nộp cho cơ quan điều tra 01 chiếc điện thoại Nokia 1280 màu xanh, lắp sim số 0984.845.278 (là điện thoại C dùng liên lạc với T để đi trộm cắp tài sản) và số tiền 1.500.000 đồng, chị Nguyễn Thị H1 Yến (vợ T) đã tự nguyện nộp số tiền 600.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Cao C và Nguyễn Anh T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, lời khai của C và T phù hợp với lời khai của các bị hại và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Đối với số tài sản Nguyễn Cao C và Nguyễn Anh T trộm cắp của các bị hại, quá trình điều tra, Nguyễn Anh T đã tích cực tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho các bị hại, gia đình T đã tự nguyện bồi thường đầy đủ cho các bị hại, người trực tiếp bồi thường là chị Nguyễn Thị Hải Y1, sinh năm 1987, hộ khẩu thường trú: thôn ĐT, xã Y, huyện X, tỉnh V, là vợ của Nguyễn Anh T. Chị Yến không yêu cầu C và T phải trả cho chị số tiền chị đã bồi thường. Riêng đối với các bị hại là bà Lưu Thị Xuân và ông Đồng Xuân B, đã được Cơ quan điều tra thu hồi lại tài sản và trả lại 01 chiếc Ipad Air cho bà Xuân và số tiền 23.500.000 đồng cho ông Bình.

Đối với chiếc xe ô tô Toyota Vios, màu bạc, biển kiểm soát 27A – 022.31, quá trình điều tra xác định là tài sản của gia đình bị can Nguyễn Anh T, nguồn gốc số tiền để mua xe là do bố để chị Nguyễn Thị Hải Y1 (vợ bị can T) cho và tiền vay của em trai bị can T, gia đình T mua để chở khách thuê. Chị Yến không biết việc T dùng xe để làm phương tiện đi trộm cắp tài sản nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Nguyễn Thị Hải Y1 chiếc ô tô Toyota Vios, màu bạc, biển kiểm soát 27A – 022.31 cùng các giấy tờ xe. Chị Yến đã nhận lại xe và không có yêu cầu đề nghị gì.

Đối với các tài sản thu giữ khi khám xét nơi ở của Nguyễn Anh T gồm: 01 điện thoại Iphone 6 màu xám, không lắp sim, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, không lắp sim, 01 hợp đồng mua bán xe, 01 sổ tiết kiệm mang tên Nguyễn Thị Hải Y1, tiền Việt Nam: 25.000.000 đồng, quá trình điều tra xác định là tài sản của chị Nguyễn Thị Hải Y1 không liên quan đến hành vi phạm tội. Cơ quan điều tra đã trả lại những tài sản trên cho chị Yến, chị Yến đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu đề nghị gì.

Đối với những tài sản tạm giữ của Nguyễn Anh T gồm: 01 điện thoại OPPO A9 màu xanh, lắp sim 0854.951.125 và 0343.687.252, 01 điện thoại Nokia 150 màu đen lắp sim 0976.256.466 và 0981.290.199, 01 điện thoại OPPO A37F màu trắng, 01 điện thoại Samsung Galaxy S20 không lắp sim, 01 điện thoại Nokia 105 màu đen, lắp sim 0862.990.520, 01 ví giả da màu đen, 01 chiếc kìm bằng sắt tay cầm bằng nhựa màu đen, 01 chiếc găng tay vải, trong đó có 01 chiếc điện thoại Nokia 105 màu đen, lắp sim 0862.990.520 là chiếc điện thoại T dùng liên lạc với C để đi trộm cắp tài sản, còn lại là tài sản của T.

Đối với 03 cuộn dây điện màu vàng, 03 cuộn dây điện màu đen là công cụ phương tiện phạm tội của C, T.

Đối với chị Nguyễn Thị H1, chị Hải được Nguyễn Cao C đưa cho số tiền 10.000.000 đồng, nhưng chị Hải không biết đó là số tiền do C phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với chị Hải.

Về điều kiện kinh tế của bị can: Quá trình điều tra xác định, bị can Nguyễn Cao C và Nguyễn Anh T sống cùng gia đình, bản thân chỉ có đồ dùng sinh hoạt cá nhân, không có tài sản riêng có giá trị.

Căn cứ vào các tình tiết và chứng cứ nêu trên, có đủ cơ sở

KẾT LUẬN

Trong khoảng thời gian từ cuối năm 2019 đến tháng 9/2020, trên địa bàn các huyện TT, Lâm Thao, tỉnh PT và huyện U, thành phố Z, Nguyễn Cao C đã một

mình thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản và cùng Nguyễn Anh T thực hiện 10 vụ trộm cắp tài sản, trong đó có 05 vụ tài sản trộm cắp có giá trị trên 2.000.000 đồng, với tổng giá trị tài sản trộm cắp là 47.107.000 đồng, Nguyễn Anh T đã cùng Nguyễn Cao C thực hiện 10 vụ trộm cắp tài sản, trong đó có 04 vụ tài sản trộm cắp có giá trị trên 2.000.000 đồng, với tổng giá trị tài sản trộm cắp là 43.107.000 đồng.

Toàn bộ tài sản C và T trộm cắp đã được Cơ quan điều tra thu hồi, trả lại và gia đình Nguyễn Anh T đã bồi thường cho các bị hại. Các bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu, đề nghị gì.

Đối với Nguyễn Cao C, bản thân C đang có 03 tiền án chưa được xóa án tích, đã tái phạm nguy hiểm chưa được xóa án tích mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, do đó lần phạm tội này C phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Trộm cắp tài sản” với tình tiết định khung hình phạt là “tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Hành vi của Nguyễn Cao C và Nguyễn Anh T đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ và gây mất trật tự trị an xã hội. Như vậy, có đủ căn cứ để xác định các bị can có lý lịch dưới đây đã phạm tội như sau:

Lý lịch bị can

1. Họ và tên: **Nguyễn Cao C**; - Tên gọi khác: Không; - Giới tính: Nam;
 - Sinh ngày: 29/3/1981;
 - Nơi ĐKKTT + chỗ ở : Thôn HP, xã Y, huyện X, tỉnh V.
 - Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;
 - Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 5/12.
 - Bố: Nguyễn Viết Hải - sinh năm 1953;
 - Mẹ: Đào Thị Dương – sinh năm 1956; Bố mẹ bị can hiện ở thôn ĐT, xã Y, huyện X, tỉnh V.
 - Vợ: Nguyễn Thị H1 – Sinh năm 1984. Hiện ở thôn HP, xã Y, huyện X, tỉnh V.
 - Con: Có 03 con; con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2011;
 - Anh chị em ruột: Gia đình có năm anh em, bị can là thứ ba.
 - Tiền sự: Không;
 - Tiền án: Có 03 tiền án;
 - + Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2011/HSST ngày 18/8/2011 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh PT xử phạt C 20 tháng cải tạo không giam giữ về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và án phí 200.000 đồng. C chấp hành xong hình phạt ngày 28/01/2013, thi hành án phí tháng 12/2011.
 - + Bản án hình sự sơ thẩm số 45/2013/HSST ngày 28/8/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh xử phạt C 05 tháng tù về tội Đánh bạc, hình phạt bổ sung 3.000.000 đồng và án phí 200.000 đồng. C chấp hành xong hình phạt tháng 10/2013, thi hành hình phạt bổ sung tháng 4/2014, án phí tháng 10/2013.
 - + Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2016/HSST ngày 22/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện Gia Bình, tỉnh Lạng Sơn xử phạt C 30 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. C chấp hành xong hình phạt tháng 2/2019, thi hành án phí tháng 4/2017.
 - + Nhân thân: Bản án số 20/2009/HSST ngày 25/3/2009 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh V xử phạt C 09 tháng tù cho hưởng án treo về tội Trộm cắp tài sản,

giá trị tài sản trộm cắp là 715.000 đồng (Bản án này đã được xóa án tích theo Nghị quyết số 33 ngày 19/6/2009 của Quốc hội).

Bị can bị bắt tạm giam từ ngày 10/9/2020. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh PT.

2. Họ và tên: **Nguyễn Anh T**; - Tên gọi khác: Không; - Giới tính: Nam;

- Sinh ngày: 09/3/1980;

- Nơi ĐKKTT + chỗ ở : Thôn ĐT, xã Y, huyện X, tỉnh V.

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

- Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12.

- Bố: Nguyễn Viết Hải - sinh năm 1953;

- Mẹ: Đào Thị Dương – sinh năm 1956; Bố mẹ bị can hiện ở thôn ĐT, xã Y, huyện X, tỉnh V.

- Vợ: Nguyễn Thị Hải Y1 – Sinh năm 1987. Hiện ở thôn ĐT, xã Y, huyện X, tỉnh V.

- Con: Có 02 con; con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2012;

- Anh chị em ruột: Gia đình có năm anh em, bị can là thứ hai.

- Tiền án, tiền sự: Không;

- Nhân thân: Bản án số 34/2016/HSST ngày 19/5/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh V xử phạt T 10 tháng tù về tội Đánh bạc, phạt bổ sung 3.000.000 đồng, án phí 200.000 đồng. T đã chấp hành xong hình phạt tù tháng 10/2017, T đã thi hành xong hình phạt bổ sung và án phí tháng 02/2020.

Bị can bị bắt tạm giam từ ngày 10/9/2020 đến ngày 11/12/2020 được thay T biện pháp ngăn chặn từ “Tạm giam” sang “ Bảo lãnh”. Hiện bị can đang tại ngoại tại nơi cư trú.

Hành vi nêu trên của Nguyễn Cao C đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Hành vi của Nguyễn Anh T đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 137 Bộ luật hình sự.

Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

.....”;

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

....;

g/Tái phạm nguy hiểm”.

Bị can Nguyễn Cao C được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ: Bị can thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tình tiết tăng nặng: Bị can C bị áp dụng tình tiết tăng nặng; Phạm tội 02 lần trở lên; Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi và người đủ 70 tuổi trở lên quy định tại điểm g, i khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Bị can Nguyễn Anh T được áp dụng tình tiết giảm nhẹ: Bị can thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị can tích cực tác động gia đình bồi thường thiệt hại. Áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tình tiết tăng nặng: Bị can T bị áp dụng tình tiết tăng nặng: Phạm tội 02 lần trở lên; Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi và người đủ 70 tuổi trở lên quy định tại điểm g, i khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Truy tố bị can **Nguyễn Cao C và Nguyễn Anh T** có lý lịch nêu trên ra trước Toà án nhân dân huyện TT, tỉnh PT để xét xử với tội danh cụ thể như sau:

1. Nguyễn Cao C về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

2. Nguyễn Anh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Kèm theo Cáo trạng là:

+ Hồ sơ vụ án gồm có: tập, bằng Tờ được đánh số thứ tự từ 01 đến....

+ Bản kê vật chứng.

+ Danh sách những người VKS đề nghị Tòa án triệu tập đến phiên tòa.

Nơi nhận:

- Tòa án ND huyện TT;
- VKSND tỉnh;
- CQCSĐT-CA huyện TT;
- HS vụ án;
- Bị can;
- Lưu HSKS.

VIỆN TRƯỞNG

Hoàng Phúc Thọ

Số: 05/2021/QĐXXST-HS

TT, ngày 11 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
ĐƯA VỤ ÁN RA XÉT XỬ SƠ THẨM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT, TỈNH PT

Căn cứ vào các điều 45, 255 và 277 của Bộ luật Tố tụng hình sự;
Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2021/TLST-HS
ngày 05 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1

Đưa ra xét xử sơ thẩm vụ án hình sự đối với bị cáo:

1. Nguyễn Cao C, sinh ngày 29/3/1981 tại huyện X, V; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn HP, xã Y, huyện X, tỉnh V

2. Nguyễn Anh T, sinh ngày 09/3/1980, tại huyện X, V; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn ĐT, xã Y, huyện X, tỉnh V

Nguyễn Cao C, bị Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, tỉnh PT truy tố về tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Nguyễn Anh T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, tỉnh PT truy tố về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Thời gian mở phiên tòa: 13 giờ 30 phút, ngày 22 tháng 01 năm 2021.

Địa điểm mở phiên tòa: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh PT.

Vụ án được xét xử công khai.

Điều 2

1. Những người tiến hành tố tụng:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng

Thẩm phán dự khuyết: Ông Lương Viết Tú

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Minh Thân

Ông Nguyễn Thành Lâm

Hội thẩm nhân dân dự khuyết: Ông Hoàng Anh Luận

Ông Nguyễn Ngọc Sơn

Ông Đoàn Hồng Canh

Ông Nguyễn Văn Thiêm

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tấn

Thư ký phiên tòa dự khuyết: Ông Lê Anh Xuân Ngọc

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị
Phuong Thảo - Kiểm sát viên

2. Những người tham gia tố tụng:

- *Các bị cáo:* Nguyễn Cao C và Nguyễn Anh T

- *Người bị hại:*

+ Bà Bùi Thị T1, sinh năm 1940

Địa chỉ: Khu 12, xã ĐT, huyện TT, tỉnh PT.

+ Cháu Phạm Thu T2, sinh năm 2004

Người giám hộ cho cháu T2: Chị Nguyễn Thị Hậu, sinh năm 1979 (mẹ đẻ cháu T2: Địa chỉ: Thôn Đồng Tâm, xã Minh Quang, H. U , TP. Z

+ Ông Ngô Đức H, sinh năm 1966 cùng vợ là bà Lê Thị Hương, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Thôn Vồng, xã Minh Quang, huyện U, TP. Z.

+ Ông Đồng Xuân B, sinh năm 1945 cùng vợ là bà Khuất Thị P, sinh năm 1952;

Địa chỉ: Khu 8, xã ĐT, huyện TT, tỉnh PT.

+ Bà Trương Thị D, sinh năm 1934

Địa chỉ: Thôn Sỏ, xã Minh Quang, huyện U, TP. Z

+ Bà Ngô Thị M, sinh năm 1953

Địa chỉ: Thôn Vân Hội, xã Phong Vân, huyện U, thành phố Z.

+ Bà Ngô Thị T3, sinh năm 1949 cùng chồng là ông Đào Xuân L, sinh năm 1945;

Địa chỉ: Thôn Vân Hội, xã Phong Vân, huyện U, thành phố Z

+ Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1970

Địa chỉ: Khu 9, xã Tiên Kiên, huyện Lâm Thao, tỉnh PT.

+ Cháu Nguyễn Thị Thùy T4, sinh năm 2009 và cháu Nguyễn Đức Đ, sinh năm 2013;

Người giám hộ cho cháu T2 và cháu Đ: Chị Phí Thị Hà, sinh năm 1991 (Mẹ đẻ cháu Đ và cháu T2); Địa chỉ: Khu 13, xã ĐT, huyện TT, tỉnh PT.

+ Cháu Lê Hồng Q, sinh năm 2004

Người giám hộ cho cháu Quân: Anh Lê Kim Lý, sinh năm 1979 (Bố đẻ cháu Quân);

Địa chỉ: Khu 8, xã Sơn Thủy, huyện TT, tỉnh PT

+ Bà Lưu Thị Xuân, sinh năm 1953

Địa chỉ: Thôn Hoàng Long, xã Tản Lĩnh, U, Z

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn HP, xã Y, huyện X, tỉnh V

+ Chị Nguyễn Thị Hải Y1, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn ĐT, xã Y, huyện X, tỉnh V

+ Bà Đào Thị Dương, sinh năm 1955

Địa chỉ: Xã Y, huyện X, tỉnh V

3. Vật chứng cần đưa ra xem xét tại phiên tòa:

Không.

Nơi nhận:

- VKSND huyện TT;
- Bị cáo;
- Người bị hại
- Người có QL,NVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Hồng

CÁO TRẠNG

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN HUYỆN TT

Căn cứ các Điều 41, 236, 239, 240 và 243 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 60 ngày 08/9/2020 ; Quyết định bổ sung Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 02, 03 ngày 05/11/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TT, tỉnh PT về tội “Trộm cắp tài sản”;

Căn cứ Quyết định khởi tố bị can số 123, 124 ngày 10/9/2020, Quyết định bổ sung Quyết định khởi tố bị can số 02, 03, 04, 05 ngày 05/11/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TT, tỉnh PT đối với Nguyễn Cao C và Nguyễn Anh T về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 157 ngày 30/10/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện U, thành phố Z về tội “Trộm cắp tài sản”;

Căn cứ Quyết định khởi tố bị can số 231 ngày 30/10/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện U, thành phố Z đối với Nguyễn Cao C về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 65 ngày 16/11/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lâm Thao, tỉnh PT về tội “Trộm cắp tài sản”;

Căn cứ Quyết định khởi tố bị can số 123, 124 ngày 10/9/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lâm Thao, tỉnh PT đối với Nguyễn Cao C và Nguyễn Anh T về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ các Quyết định nhập vụ án hình sự số 03 ngày 24/11/2020, số 04 ngày 26/11/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TT, tỉnh PT;

Căn cứ Bản kết luận điều tra số 62 ngày 07/12/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TT, tỉnh PT.

Trên cơ sở kết quả điều tra đã xác định được như sau:

Do cần tiền tiêu sài cá nhân, nên khoảng cuối năm 2019, Nguyễn Cao C, sinh năm 1981, hộ khẩu thường trú: thôn HP, xã Y, huyện X, tỉnh V đã nảy sinh ý định đi trộm cắp tài sản, do đó C đặt vấn đề với Nguyễn Anh T, sinh năm 1980, hộ khẩu thường trú: thôn ĐT, xã Y, huyện X, tỉnh V (Thế là anh trai ruột C) để thuê T chở C đi bán hàng. C sẽ trả cho T 500.000 -600.000 đồng mỗi ngày. T đồng ý. C chuẩn bị 03 cuộn dây điện màu vàng, 03 cuộn dây điện màu đen để trên xe ô tô của T. Vào một ngày cuối năm 2019 (Cường, T không nhớ rõ ngày tháng), C gọi điện thoại T đến nhà đón C. T điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios, màu trắng bạc, biển kiểm soát 27A – 022.31 đến nhà đón C. Theo chỉ dẫn của C, T lái xe đến địa phận huyện Ba Bì, thành phố Z. Khi đến trước cổng nhà bà Lưu Thị Xuân, sinh năm 1953, hộ khẩu thường trú: thôn Hoàng Long, xã Tân Lĩnh, huyện U, thành phố Z, C bảo T dừng xe ở ngoài đợi C. C xuống xe đi vào nhà bà Xuân, C gặp bà Xuân và ông Nguyễn Phúc Anh, sinh năm 1954 (chồng bà Xuân) ở nhà. C giới thiệu là công nhân làm đường và muốn đề nhờ mấy tạ xi măng tại nhà bà Xuân. Lợi dụng lúc vợ chồng bà Xuân không để ý, C đã đi vòng ra sau nhà, đi qua bếp, lên buồng ngủ của bà Xuân

phát hiện và trộm cắp 01 chiếc máy tính bảng nhãn hiệu Apple, loại Ipad Air, màu ghi xám, bản 64GB không lắp sim để trên giường trong phòng ngủ. Sau đó C đi ra xe bảo T lái xe đi về và không nói cho T biết việc C vừa trộm cắp tài sản. Về đến nhà C trả cho T 500.000 đồng thuê xe, T đã tiêu sài hết. Chiếc máy tính bảng trộm cắp được C giữ lại để sử dụng. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã khám xét thu giữ chiếc máy tính bảng tại nhà C.

Ngày 15/10/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng Ủy ban nhân dân huyện U xác định: “01 chiếc máy tính bảng nhãn hiệu Apple, loại Ipad Air, màu ghi xám, bản 64GB đã qua sử dụng có giá trị là 4.000.000 đồng”.

Cơ quan điều tra trả lại chiếc máy tính bảng cho bà Lưu Thị Xuân. Bà Xuân đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu, đề nghị gì.

Đến khoảng giữa tháng 8/2020, Nguyễn Cao C bàn bạc với Nguyễn Anh T về phương thức và thủ đoạn để cả hai cùng nhau đi trộm cắp tài sản lấy tiền tiêu sài. C, T thống nhất đem theo mấy cuộn dây điện để trên xe ô tô của T, khi đến nhà dân, C, T sẽ giới thiệu là công nhân làm đường xin để nhờ xi măng, sau đó C sẽ tìm sơ hở để trộm cắp tài sản, nếu không thuận lợi T sẽ là người nói chuyện để đánh lạc hướng chủ nhà, tạo thuận lợi để C lục soát trộm cắp tài sản, nếu trộm cắp được tài sản C sẽ chia cho T hoặc C sẽ trả cho T 500.000 đồng – 600.000 đồng/ ngày. Với phương thức, thủ đoạn như trên, trong khoảng thời gian từ tháng 8/2020 đến ngày 08/9/2020, Nguyễn Cao C và Nguyễn Anh T đã cùng nhau thực hiện 10 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn các huyện TT, Lâm Thao, tỉnh PT và huyện U, thành phố Z. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 6 giờ 45 phút, ngày 23/8/2020, Nguyễn Cao C dùng điện thoại nokia 1280 màu xanh, lắp sim số 0984.845.278 gọi điện đến số 0862.990.520 của Nguyễn Anh T bảo T đến đón, T điều khiển xe ô tô Toyota Vios, biển kiểm soát 27A- 022.31 đón và chở C đến nhà anh Lê Kim Lý, sinh năm 1979, hộ khẩu thường trú: khu 8, xã Sơn Thủy, huyện TT, tỉnh PT, lúc này nhà anh Lý chỉ có mẹ anh Lý là bà Nguyễn Thị Hạnh, sinh năm 1934 và con trai anh Lý là cháu Lê Hồng Q, sinh năm 2004 ở nhà. C và T đỗ xe ở ngoài cổng rồi cùng nhau đi vào sân nhà anh Lý, gặp cháu Quân, C đặt vấn đề gửi nhờ xi măng. T dẫn cháu Quân đi ra phía sau nhà để tìm chỗ gửi xi măng, lợi dụng lúc cháu Quân không để ý, C đi vào trong phòng ngủ thấy có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S màu đỏ để ở trên giường, C lấy chiếc điện thoại đút vào túi quần, sau đó C mở túi xách để ở trên bàn lấy được số tiền 1.012.000 đồng. Sau khi trộm cắp được tài sản C đi ra ngoài và ra hiệu cho T ra xe đi về. Chiếc điện thoại trộm cắp được C để sử dụng, quá trình sử dụng C đã làm mất nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Ngày 26/10/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng Ủy ban nhân dân huyện TT xác định: “01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3, màu đỏ có giá trị là 1.500.000 đồng”.

Tổng giá trị tài sản Nguyễn Cao C và Nguyễn Anh T trộm cắp của gia đình anh Lê Kim Lý là 2.512.000 đồng. Quá trình điều tra, gia đình Nguyễn Anh T đã bồi thường cho anh Lý số tiền 2.512.000 đồng. Anh Lý đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu, đề nghị gì.

Vụ thứ hai: Sau khi trộm cắp được tài sản tại nhà anh Lý, T và C tiếp tục di chuyển đến khu 13, xã ĐT, huyện TT, tỉnh PT. Đến khoảng hơn 7 giờ ngày 23/8/2020, cả hai đến nhà chị Phí Thị Hà, sinh năm 1991, hộ khẩu thường trú:

khu 13, xã ĐT, huyện TT, tỉnh PT, lúc này chị Hà đi vắng, chỉ có 02 con chị Hà là cháu Nguyễn Thị Thùy T4, sinh năm 2009 và cháu Nguyễn Đức Đ, sinh năm 2013 ở nhà. T và C đỗ xe trước cổng và cùng nhau đi vào nhà chị Hà, C hỏi cháu T2 và được biết bố mẹ cháu không có nhà, C hỏi cháu T2 để nhờ xi măng. T đứng nói chuyện với cháu T2 ở phía trước nhà, còn C đi ra phía sau nhà gặp cháu Đ đang chơi điện thoại trong phòng ngủ. C bảo cháu Đ tìm cho C xin cái bao tải, cháu Đ để điện thoại xuống giường đi tìm bao tải cho C, lợi dụng sơ hở C lấy điện thoại Sam Sung A10 màu xanh lấp sim số 0332.644.811 đút vào túi quần rồi đi ra phía trước nhà ra hiệu cho T ra xe đi về. Trên đường về C bán chiếc điện thoại Sam sung A10 cho một người nam giới C không biết tên, địa chỉ được 700.000 đồng. Số tiền bán điện thoại C đã tiêu sài hết. Khi về đến nhà C đưa cho T 1.000.000 đồng, T đã tiêu sài hết, Cơ quan điều tra không thu hồi được chiếc điện thoại Sam sung A10.

Ngày 26/10/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng Ủy ban nhân dân huyện TT xác định: “01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A10, màu xanh có giá trị là 1.200.000 đồng”.

Quá trình điều tra, gia đình T đã bồi thường cho chị Hà số tiền 1.200.000 đồng. Chị Hà đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu, đề nghị gì.

Vụ thứ ba: Khoảng 9 giờ ngày 24/8/2020, Nguyễn Anh T điều khiển xe ô tô Toyota Vios, biển kiểm soát 27A- 022.31 chở Nguyễn Cao C đến địa phận huyện Lâm Thao, tỉnh PT. T dừng xe trước cổng nhà chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1970, hộ khẩu thường trú: khu 9, xã Tiên Kiên, huyện Lâm Thao, tỉnh PT. C và T cùng đi vào nhà chị Nhi, lúc này có một mình chị Nhi ở nhà, C giới thiệu với chị Nhi là công nhân làm đường và muốn để nhờ xi măng. Chị Nhi mời T, C vào nhà uống nước, T ngồi uống nước nói chuyện với chị Nhi, C đi ra sân nhìn thấy 01 chiếc túi xách bằng vải màu đen để ở trên ghế, C mở túi xách trộm cắp được số tiền 3.700.000 đồng. Sau khi lấy được tiền C ra hiệu cho T ra về. Trên đường về C đưa cho T số tiền 600.000 đồng. C và T đã tiêu sài hết số tiền trên.

Quá trình điều tra, gia đình Nguyễn Anh T đã bồi thường cho chị Nguyễn Thị N số tiền 3.700.000 đồng. Chị Nhi đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu, đề nghị gì.

Vụ thứ tư: Sáng ngày 25/8/2020, Nguyễn Anh T điều khiển xe ô tô Toyota Vios, biển kiểm soát 27A- 022.31 cùng Nguyễn Cao C đến địa phận huyện U, thành phố Z. Khoảng 8 giờ, C và T đến nhà bà Ngô Thị T3, sinh năm 1949, hộ khẩu thường trú: thôn Vân Hội, xã Phong Vân, huyện U, thành phố Z. C và T gặp ông Đào Xuân L, sinh năm 1945 là chồng bà Thịnh ở nhà, C giới thiệu là công nhân công trình muốn để nhờ xi măng ở nhà ông. Ông Lô đồng ý dẫn C và T ra bãi đất trống tìm chỗ để xi măng, T đứng nói chuyện với ông Lô, còn C đi vào trong nhà ông Lô lục soát trộm cắp được số tiền 240.000 đồng. Sau khi lấy được tiền C ra hiệu cho T đi về.

Quá trình điều tra, bà Ngô Thị T3 không yêu cầu T phải bồi thường cho gia đình bà số tiền 240.000 đồng.

Vụ thứ năm: Cùng ngày 25/8/2020, sau khi trộm cắp tài sản ở nhà bà Thịnh, Nguyễn Cao C tiếp tục chỉ đường cho Nguyễn Anh T đi quanh khu vực xã Phong Vân. Khoảng 9 giờ, C và T đến nhà bà Ngô Thị My, sinh năm 1953, hộ khẩu thường trú: thôn Vân Hội, xã Phong Vân, huyện U, thành phố Z. C bảo T dừng xe chờ C ở ngoài, một mình C đi vào nhà bà My xin để nhờ xi măng.

Lợi dụng lúc bà My đi ra ngoài sân, C đến giường ngủ của bà My và trộm cắp trên đầu giường của bà My số tiền 470.000 đồng rồi ra xe cùng T đi về, trên đường về C đưa cho T số tiền 500.000 đồng. C và T đã tiêu sài hết số tiền trộm cắp được nhà bà Thịnh và bà My.

Quá trình điều tra, gia đình Nguyễn Anh T đã bồi thường cho bà Ngô Thị M số tiền 470.000 đồng, bà My đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu, đề nghị gì.

Vụ thứ sáu: Sáng ngày 04/9/2020, Nguyễn Anh T tiếp tục điều khiển xe ô tô Toyota Vios, biển kiểm soát 27A- 022.31 chở Nguyễn Cao C đi trộm cắp tài sản. Khoảng 6 giờ, C và T tới nhà bà Trương Thị D, sinh năm 1934, hộ khẩu thường trú: thôn Sỗ, xã Minh Quang, huyện U, thành phố Z, một mình C vào gặp bà Dung đang bán hàng tạp hóa tại nhà, T ngồi đợi ở ngoài xe. C đặt vấn đề xin gửi nhờ xi măng, lợi dụng lúc bà Dung đi ra phía sau, C đã trộm cắp một số hàng hóa tại cửa hàng tạp hóa của bà Dung gồm: 04 can dầu ăn nhãn hiệu Neptune loại 5 lít, 04 can dầu ăn nhãn hiệu Neptune loại 2 lít, 01 thùng sữa tươi U, 01 túi bột giặt Omo loại 3kg, 07 lọ tương ớt hiệu Chinsu. C đem ra xe và bảo T chở số tài sản trộm cắp được của bà Dung về nhà C, C và gia đình đã sử dụng hết số tài sản trộm cắp được. Khi về đến nhà C đưa cho T 500.000 đồng, T đã tiêu sài hết.

Ngày 15/10/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng Ủy ban nhân dân huyện huyện U xác định: “04 can dầu ăn hiệu Neptune loại 5 lít trị giá 800.000 đồng, 04 can dầu ăn hiệu Neptune loại 2 lít trị giá 336.000 đồng, 01 thùng sữa tươi U trị giá 185.000 đồng, 01 túi bột giặt Omo loại 3kg trị giá 100.000 đồng, 07 lọ tương ớt Chinsu trị giá 84.000 đồng”. Tổng giá trị tài sản C và T trộm cắp của bà Trương Thị D là 1.505.000 đồng.

Quá trình điều tra, gia đình Nguyễn Anh T đã bồi thường cho bà Trương Thị D số tiền 1.505.000 đồng. Bà Dung đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu đề nghị gì.

Vụ thứ bảy: Khoảng hơn 5 giờ ngày 07/9/2020, Nguyễn Anh T điều khiển xe ô tô Toyota Vios, biển kiểm soát 27A- 022.31 đến nhà đón Nguyễn Cao C, cả hai đi lên khu vực xã ĐT, huyện TT, tỉnh PT. Khoảng 7 giờ 30 phút, C và T đến nhà ông Đồng Xuân B, sinh năm 1945, hộ khẩu thường trú: Khu 8, xã ĐT, huyện TT, lúc này có một mình ông Đồng Xuân B ở nhà. C và T vào nhà, giới thiệu với ông Bính là công nhân công trình muốn gửi nhờ xi măng, ông Bính đưa C ra chuồng lợn cũ chỉ chỗ để xi măng, sau đó T ra nói chuyện với ông Bính, C lợi dụng lúc đó đi vào gian buồng bên trái nhà ông Bính thấy có chiếc hòm bằng tôn, C đi ra phòng khách lấy chiếc kéo bằng kim loại cắt móc khóa của hòm tôn lục tìm tài sản nhưng không có gì, C đóng nắp hòm lại đi ra phòng khách dùng chiếc kéo cạy ngăn phía bên trái tủ quần áo, C mở cửa tủ ra bên trong tủ có 01 chiếc túi xách màu nâu, C mở túi xách lấy được số tiền 23.500.000 đồng, C đút tiền vào túi quần, đóng cửa tủ lại đi ra ngoài và ra hiệu cho T đi về. Trên đường về C chia cho T số tiền 11.000.000 đồng, về đến nhà, C đưa cho vợ là Nguyễn Thị H1, sinh năm 1984, hộ khẩu thường trú: thôn Hanh Phúc, xã Y, huyện X, tỉnh V số tiền 10.000.000 đồng, còn lại C giữ 2.500.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ số tiền 23.500.000 đồng của C, T, chị Hải và trả lại cho ông Đồng Xuân B. Ông Bính đã nhận lại số tiền 23.500.000 đồng và không có yêu cầu, đề nghị gì.

Vụ thứ tám: Sáng ngày 08/9/2020, Nguyễn Anh T điều khiển xe ô tô ô tô Toyota Vios, biển kiểm soát 27A- 022.31 chở Nguyễn Cao C đến khu vực xã Minh Quang, huyện U, thành phố Z. Khoảng 8 giờ, C và T đến nhà bà Lê Thị Hương, sinh năm 1971, hộ khẩu thường trú: thôn Vồng, xã Minh Quang, huyện Ba Bì, thành phố Z, C và T vào nhà gặp ông Ngô Đức H, sinh năm 1966 là chồng bà Hương ở nhà. C giới thiệu là công nhân làm đường xin để nhờ xi măng. Sau đó, T nói chuyện với ông Hoàn để tạo điều kiện cho C trộm cắp tài sản. C đã lấy trộm 01 điện thoại di động OPPO A3S màu đỏ để ở trên ghế cạnh bàn uống nước nhà ông Hoàn. Sau đó, C tiếp tục đi ra phía sau nhà ông Hoàn bắt trộm 02 con gà mái trọng lượng khoảng 2kg/1con ở trong bu gà cho vào bao tải. Sau khi trộm cắp được tài sản C ra hiệu cho T ra về. Trên đường về C đem chiếc điện thoại OPPO A3S ra kiểm tra thì thấy không lên nguồn, cho rằng điện thoại bị hỏng C đã vứt bỏ chiếc điện thoại này trên đường đi (Cường không nhớ vị trí đã vứt chiếc điện thoại). Cơ quan điều tra không thu hồi được chiếc điện thoại, còn 02 con gà trộm cắp được C mang về nhà mổ thịt ăn hết.

Ngày 15/10/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng Ủy ban nhân dân huyện huyện U xác định: “02 con gà mái ta có trọng lượng 2kg /1 con có giá trị là 320.000 đồng, 01 chiếc điện thoại OPPO A3S, màu đỏ có giá trị 800.000 đồng”. Tổng giá trị tài sản C và T trộm cắp của bà Hương, ông Hoàn là 1.120.000 đồng.

Quá trình điều tra, gia đình Nguyễn Anh T đã bồi thường cho gia đình bà Hương, ông Hoàn số tiền 1.120.000 đồng. Bà Hương đã nhận số tiền 1.120.000 đồng và không có yêu cầu, đề nghị gì.

Vụ thứ chín: Cũng trong buổi sáng ngày 08/9/2020, sau khi trộm cắp tài sản nhà bà Lê Thị Hương, Nguyễn Cao C tiếp tục chỉ đường cho Nguyễn Anh T điều khiển xe đi sang địa bàn xã Minh Quang, huyện U, thành phố Z. Khoảng 9 giờ, C đến nhà chị Nguyễn Thị Hậu, sinh năm 1979, hộ khẩu thường trú: thôn Đông Tâm, xã Minh Quang, huyện U, thành phố Z. C và T vào nhà chị Hậu, gặp con gái chị Hậu là cháu Phạm Thu T2, sinh năm 2004 ở nhà một mình, C và T giả vờ hỏi mua cây mộc và xin cháu T2 nước uống, lợi dụng lúc cháu T2 không để ý, C đã lấy trộm 01 chiếc điện thoại Samsung Galaxy J4+, màu vàng bẻ trên nóc tủ bên dưới bàn thờ trong phòng khách nhà chị Hậu. Sau khi lấy trộm được tài sản C bảo T ra xe ô tô ra về. Trên đường về, đến địa phận huyện Vĩnh Tường, tỉnh V, C đã bán chiếc điện thoại Samsung Galaxy J4+ cho một người phụ nữ C không biết tên, địa chỉ được 700.000 đồng. Số tiền bán điện thoại C đã tiêu sài hết. Cơ quan điều tra không thu hồi được chiếc điện thoại Samsung Galaxy J4+.

Ngày 15/10/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng Ủy ban nhân dân huyện huyện U xác định: “ 01 chiếc điện thoại Samsung Galaxy J4+, màu vàng có giá trị 800.000 đồng”.

Quá trình điều tra, gia đình Nguyễn Anh T đã tự nguyện bồi thường cho gia đình chị Nguyễn Thị Hậu số tiền 1.500.000 đồng, chị Hậu đã nhận tiền và không có yêu cầu đề nghị gì.

Vụ thứ mười: Sáng cùng ngày 08/9/2020, sau khi trộm cắp tài sản nhà chị Hậu, T và C tiếp tục đi qua cầu Đồng Quang sang địa phận xã ĐT, huyện TT, tỉnh PT. Khoảng 9 giờ 30 phút, T đỗ xe trên đường tỉnh lộ 317 đứng chờ, còn C đi xuống vào nhà bà Bùi Thị T1, sinh năm 1940, hộ khẩu thường trú: khu 12, xã ĐT, huyện TT, tỉnh PT. Gặp bà Thi, C đặt vấn đề xin gửi nhờ xi măng, rồi C cùng bà Thi đi ra phía sau nhà bếp và bảo bà dọn dẹp chỗ để xi măng, lợi dụng bà Thi già yếu, không để ý C lén vào gian phòng để đồ giáp với phòng khách, C mở tủ gỗ ở trong phòng lục soát và trộm cắp được số tiền 8.060.000 đồng. Sau khi trộm cắp được C đi ra xe cùng T đi về. Trên đường về C đưa cho T 600.000 đồng, T đã tiêu sài hết, số tiền còn lại C đã tiêu sài hết.

Quá trình điều tra, gia đình Nguyễn Anh T đã bồi thường cho bà Bùi Thị T1 số tiền 8.060.000 đồng, bà Thi đã nhận lại tiền và không có yêu cầu đề nghị gì.

Như vậy, Nguyễn Cao C đã thực hiện 11 vụ trộm cắp tài sản, trong đó có 05 vụ có giá trị tài sản từ 2.000.000 đồng trở lên, với tổng giá trị tài sản trộm cắp là **47.107.000** đồng. Trong đó, C cùng T thực hiện 10 vụ trộm cắp tài sản, còn 01 trộm cắp tài sản vào cuối năm 2019 tại nhà bà Lưu Thị Xuân ở thôn Hoàng Long, xã Tân Lĩnh, huyện U, thành phố Z là do một mình Nguyễn Cao C thực hiện, khi đó C chưa bàn bạc thỏa thuận với T về việc đi trộm cắp tài sản, và T cũng không biết việc C trộm cắp tài sản nhà bà Xuân, mà chỉ được C thuê lái xe chở C đi. Đối với Nguyễn Anh T đã cùng Nguyễn Cao C thực hiện 10 vụ trộm cắp tài sản, trong đó có 04 vụ có giá trị tài sản từ 2.000.000 đồng trở lên, với tổng giá trị tài sản trộm cắp là **43.107.000** đồng. Trong vụ án này, các bị hại có nhiều người là người dưới 16 tuổi và người đủ 70 tuổi trở lên.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tạm giữ khi khám xét chỗ ở của Nguyễn Cao C: 01 máy tính bảng hiệu Ipad Air màu ghi xám (chiếc máy tính bảng này do C trộm cắp của bà Lưu Thị Xuân); Số tiền 11.000.000 đồng (là số tiền trộm cắp nhà ông Đồng Xuân B, C đưa cho chị Hải 10.000.000 (chị Hải chưa sử dụng) + 1.000.000 đồng C tiêu sài còn lại); 01 thẻ căn cước công dân mang tên Nguyễn Cao C và 01 ví giả da màu nâu.

Cơ quan điều tra đã tạm giữ khi khám xét chỗ ở của Nguyễn Anh T: 01 điện thoại Iphone 6 màu xám, không lắp sim, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, không lắp sim, 01 sổ tiết kiệm mang tên Nguyễn Thị Hải Y1; 01 Hợp đồng mua bán xe ô tô, 03 cuộn dây điện màu vàng, 03 cuộn dây điện màu đen, tiền Việt Nam: 25.000.000 đồng. Tạm giữ của Nguyễn Anh T: 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios màu bạc, biển kiểm soát 27A – 022.31 (kèm theo các giấy tờ xe), 01 điện thoại OPPO A9 màu xanh, lắp sim 0854.951.125 và 0343.687.252, 01 điện thoại Nokia 150 màu đen lắp sim 0976.256.466 và 0981.290.199, 01 điện thoại OPPO màu trắng, 01 điện thoại Samsung Galaxy S20 không lắp sim, 01 điện thoại Nokia 105 màu đen, lắp sim 0862.990.520, 01 ví giả da màu đen, 01 chiếc kìm bằng sắt tay cầm bằng nhựa màu đen, 01 chiếc gang tay vải, tiền Việt Nam 13.600.000 đồng (số tiền C đưa 11.000.000 đồng sau khi trộm cắp nhà ông Đồng Xuân B + tiền của cá nhân T 2.600.000 đồng).

Quá trình điều tra, chị Nguyễn Thị H1 (vợ C) đã giao nộp cho cơ quan điều tra 01 chiếc điện thoại Nokia 1280 màu xanh, lắp sim số 0984.845.278 (là điện thoại C dùng liên lạc với T để đi trộm cắp tài sản) và số tiền 1.500.000 đồng, chị Nguyễn Thị H1 Yến (vợ T) đã tự nguyện nộp số tiền 600.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Cao C và Nguyễn Anh T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, lời khai của C và T phù hợp với lời khai của các bị hại và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Đối với số tài sản Nguyễn Cao C và Nguyễn Anh T trộm cắp của các bị hại, quá trình điều tra, Nguyễn Anh T đã tích cực tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho các bị hại, gia đình T đã tự nguyện bồi thường đầy đủ cho các bị hại, người trực tiếp bồi thường là chị Nguyễn Thị Hải Y1, sinh năm 1987, hộ khẩu thường trú: thôn ĐT, xã Y, huyện X, tỉnh V, là vợ của Nguyễn Anh T. Chị Yến không yêu cầu C và T phải trả cho chị số tiền chị đã bồi thường. Riêng đối với các bị hại là bà Lưu Thị Xuân và ông Đồng Xuân B, đã được Cơ quan điều tra thu hồi lại tài sản và trả lại 01 chiếc Ipad Air cho bà Xuân và số tiền 23.500.000 đồng cho ông Bình.

Đối với chiếc xe ô tô Toyota Vios, màu bạc, biển kiểm soát 27A – 022.31, quá trình điều tra xác định là tài sản của gia đình bị can Nguyễn Anh T, nguồn gốc số tiền để mua xe là do bố để chị Nguyễn Thị Hải Y1 (vợ bị can T) cho và tiền vay của em trai bị can T, gia đình T mua để chở khách thuê. Chị Yến không biết việc T dùng xe để làm phương tiện đi trộm cắp tài sản nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Nguyễn Thị Hải Y1 chiếc ô tô Toyota Vios, màu bạc, biển kiểm soát 27A – 022.31 cùng các giấy tờ xe. Chị Yến đã nhận lại xe và không có yêu cầu đề nghị gì.

Đối với các tài sản thu giữ khi khám xét nơi ở của Nguyễn Anh T gồm: 01 điện thoại Iphone 6 màu xám, không lắp sim, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, không lắp sim, 01 hợp đồng mua bán xe, 01 sổ tiết kiệm mang tên Nguyễn Thị Hải Y1, tiền Việt Nam: 25.000.000 đồng, quá trình điều tra xác định là tài sản của chị Nguyễn Thị Hải Y1 không liên quan đến hành vi phạm tội. Cơ quan điều tra đã trả lại những tài sản trên cho chị Yến, chị Yến đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu đề nghị gì.

Đối với những tài sản tạm giữ của Nguyễn Anh T gồm: 01 điện thoại OPPO A9 màu xanh, lắp sim 0854.951.125 và 0343.687.252, 01 điện thoại Nokia 150 màu đen lắp sim 0976.256.466 và 0981.290.199, 01 điện thoại OPPO A37F màu trắng, 01 điện thoại Samsung Galaxy S20 không lắp sim, 01 điện thoại Nokia 105 màu đen, lắp sim 0862.990.520, 01 ví giả da màu đen, 01 chiếc kìm bằng sắt tay cầm bằng nhựa màu đen, 01 chiếc găng tay vải, trong đó có 01 chiếc điện thoại Nokia 105 màu đen, lắp sim 0862.990.520 là chiếc điện thoại T dùng liên lạc với C để đi trộm cắp tài sản, còn lại là tài sản của T.

Đối với 03 cuộn dây điện màu vàng, 03 cuộn dây điện màu đen là công cụ phương tiện phạm tội của C, T.

Đối với chị Nguyễn Thị H1, chị Hải được Nguyễn Cao C đưa cho số tiền 10.000.000 đồng, nhưng chị Hải không biết đó là số tiền do C phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với chị Hải.

Về điều kiện kinh tế của bị can: Quá trình điều tra xác định, bị can Nguyễn Cao C và Nguyễn Anh T sống cùng gia đình, bản thân chỉ có đồ dùng sinh hoạt cá nhân, không có tài sản riêng có giá trị.

Căn cứ vào các tình tiết và chứng cứ nêu trên, có đủ cơ sở

KẾT LUẬN

Trong khoảng thời gian từ cuối năm 2019 đến tháng 9/2020, trên địa bàn các huyện TT, Lâm Thao, tỉnh PT và huyện U, thành phố Z, Nguyễn Cao C đã một

mình thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản và cùng Nguyễn Anh T thực hiện 10 vụ trộm cắp tài sản, trong đó có 05 vụ tài sản trộm cắp có giá trị trên 2.000.000 đồng, với tổng giá trị tài sản trộm cắp là 47.107.000 đồng, Nguyễn Anh T đã cùng Nguyễn Cao C thực hiện 10 vụ trộm cắp tài sản, trong đó có 04 vụ tài sản trộm cắp có giá trị trên 2.000.000 đồng, với tổng giá trị tài sản trộm cắp là 43.107.000 đồng.

Toàn bộ tài sản C và T trộm cắp đã được Cơ quan điều tra thu hồi, trả lại và gia đình Nguyễn Anh T đã bồi thường cho các bị hại. Các bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu, đề nghị gì.

Đối với Nguyễn Cao C, bản thân C đang có 03 tiền án chưa được xóa án tích, đã tái phạm nguy hiểm chưa được xóa án tích mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, do đó lần phạm tội này C phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Trộm cắp tài sản” với tình tiết định khung hình phạt là “tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Hành vi của Nguyễn Cao C và Nguyễn Anh T đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ và gây mất trật tự trị an xã hội. Như vậy, có đủ căn cứ để xác định các bị can có lý lịch dưới đây đã phạm tội như sau:

Lý lịch bị can

1. Họ và tên: **Nguyễn Cao C**; - Tên gọi khác: Không; - Giới tính: Nam;
 - Sinh ngày: 29/3/1981;
 - Nơi ĐKKTT + chỗ ở : Thôn HP, xã Y, huyện X, tỉnh V.
 - Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;
 - Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 5/12.
 - Bô: Nguyễn Viết Hải - sinh năm 1953;
 - Mẹ: Đào Thị Dương – sinh năm 1956; Bô mẹ bị can hiện ở thôn ĐT, xã Y, huyện X, tỉnh V.
 - Vợ: Nguyễn Thị H1 – Sinh năm 1984. Hiện ở thôn HP, xã Y, huyện X, tỉnh V.
 - Con: Có 03 con; con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2011;
 - Anh chị em ruột: Gia đình có năm anh em, bị can là thứ ba.
 - Tiền sự: Không;
 - Tiền án: Có 03 tiền án;
 - + Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2011/HSST ngày 18/8/2011 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh PT xử phạt C 20 tháng cải tạo không giam giữ về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và án phí 200.000 đồng. C chấp hành xong hình phạt ngày 28/01/2013, thi hành án phí tháng 12/2011.
 - + Bản án hình sự sơ thẩm số 45/2013/HSST ngày 28/8/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh xử phạt C 05 tháng tù về tội Đánh bạc, hình phạt bổ sung 3.000.000 đồng và án phí 200.000 đồng. C chấp hành xong hình phạt tháng 10/2013, thi hành hình phạt bổ sung tháng 4/2014, án phí tháng 10/2013.
 - + Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2016/HSST ngày 22/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện Gia Bình, tỉnh Lạng Sơn xử phạt C 30 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. C chấp hành xong hình phạt tháng 2/2019, thi hành án phí tháng 4/2017.
 - + Nhân thân: Bản án số 20/2009/HSST ngày 25/3/2009 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh V xử phạt C 09 tháng tù cho hưởng án treo về tội Trộm cắp tài sản,

giá trị tài sản trộm cắp là 715.000 đồng (Bản án này đã được xóa án tích theo Nghị quyết số 33 ngày 19/6/2009 của Quốc hội).

Bị can bị bắt tạm giam từ ngày 10/9/2020. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh PT.

2. Họ và tên: **Nguyễn Anh T**; - Tên gọi khác: Không; - Giới tính: Nam;

- Sinh ngày: 09/3/1980;

- Nơi ĐKKTT + chỗ ở : Thôn ĐT, xã Y, huyện X, tỉnh V.

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

- Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12.

- Bố: Nguyễn Viết Hải - sinh năm 1953;

- Mẹ: Đào Thị Dương – sinh năm 1956; Bố mẹ bị can hiện ở thôn ĐT, xã Y, huyện X, tỉnh V.

- Vợ: Nguyễn Thị Hải Y1 – Sinh năm 1987. Hiện ở thôn ĐT, xã Y, huyện X, tỉnh V.

- Con: Có 02 con; con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2012;

- Anh chị em ruột: Gia đình có năm anh em, bị can là thứ hai.

- Tiền án, tiền sự: Không;

- Nhân thân: Bản án số 34/2016/HSST ngày 19/5/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh V xử phạt T 10 tháng tù về tội Đánh bạc, phạt bổ sung 3.000.000 đồng, án phí 200.000 đồng. T đã chấp hành xong hình phạt tù tháng 10/2017, T đã thi hành xong hình phạt bổ sung và án phí tháng 02/2020.

Bị can bị bắt tạm giam từ ngày 10/9/2020 đến ngày 11/12/2020 được thay T biện pháp ngăn chặn từ “Tạm giam” sang “ Bảo lãnh”. Hiện bị can đang tại ngoại tại nơi cư trú.

Hành vi nêu trên của Nguyễn Cao C đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Hành vi của Nguyễn Anh T đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 137 Bộ luật hình sự.

Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

.....”;

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

....;

g/Tái phạm nguy hiểm”.

Bị can Nguyễn Cao C được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ: Bị can thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tình tiết tăng nặng: Bị can C bị áp dụng tình tiết tăng nặng; Phạm tội 02 lần trở lên; Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi và người đủ 70 tuổi trở lên quy định tại điểm g, i khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Bị can Nguyễn Anh T được áp dụng tình tiết giảm nhẹ: Bị can thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị can tích cực tác động gia đình bồi thường thiệt hại. Áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tình tiết tăng nặng: Bị can T bị áp dụng tình tiết tăng nặng: Phạm tội 02 lần trở lên; Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi và người đủ 70 tuổi trở lên quy định tại điểm g, i khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Truy tố bị can **Nguyễn Cao C và Nguyễn Anh T** có lý lịch nêu trên ra trước Toà án nhân dân huyện TT, tỉnh PT để xét xử với tội danh cụ thể như sau:

1. Nguyễn Cao C về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

2. Nguyễn Anh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Kèm theo Cáo trạng là:

+ Hồ sơ vụ án gồm có: tập, bằng Tờ được đánh số thứ tự từ 01 đến....

+ Bản kê vật chứng.

+ Danh sách những người VKS đề nghị Tòa án triệu tập đến phiên tòa.

Nơi nhận:

- Tòa án ND huyện TT;
- VKSND tỉnh;
- CQCSĐT-CAhuyện TT;
- HS vụ án;
- Bị can;
- Lưu HSKS.

VIỆN TRƯỞNG

Hoàng Phúc Thọ

TT, ngày 11 tháng 01 năm 2021

Số: 05/2021/QĐXXST-HS

**QUYẾT ĐỊNH
ĐƯA VỤ ÁN RA XÉT XỬ SƠ THẨM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT, TỈNH PT

Căn cứ vào các điều 45, 255 và 277 của Bộ luật Tố tụng hình sự;
Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2021/TLST-HS
ngày 05 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1

Đưa ra xét xử sơ thẩm vụ án hình sự đối với bị cáo:

1. Nguyễn Cao C, sinh ngày 29/3/1981 tại huyện X, V; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Nơi ĐKKTT và chỗ ở: Thôn HP, xã Y, huyện X, tỉnh V

2. Nguyễn Anh T, sinh ngày 09/3/1980, tại huyện X, V; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Nơi ĐKKTT và chỗ ở: Thôn ĐT, xã Y, huyện X, tỉnh V

Nguyễn Cao C, bị Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, tỉnh PT truy tố về tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Nguyễn Anh T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, tỉnh PT truy tố về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Thời gian mở phiên tòa: 13 giờ 30 phút, ngày 22 tháng 01 năm 2021.

Địa điểm mở phiên tòa: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh PT.

Vụ án được xét xử công khai.

Điều 2

1. Những người tiến hành tố tụng:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng

Thẩm phán dự khuyết: Ông Lương Viết Tú

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Minh Thân

Ông Nguyễn Thành Lâm

Hội thẩm nhân dân dự khuyết: Ông Hoàng Anh Luận

Ông Nguyễn Ngọc Sơn

Ông Đoàn Hồng Canh

Ông Nguyễn Văn Thiêm

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tấn

Thư ký phiên tòa dự khuyết: Ông Lê Anh Xuân Ngọc

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị
Phương Thảo - Kiểm sát viên

2. Những người tham gia tố tụng:

- Các bị cáo: Nguyễn Cao C và Nguyễn Anh T

- Người bị hại:

+ Bà Bùi Thị T1, sinh năm 1940

Địa chỉ: Khu 12, xã ĐT, huyện TT, tỉnh PT.

+ Cháu Phạm Thu T2, sinh năm 2004
 Người giám hộ cho cháu T2: Chị Nguyễn Thị Hậu, sinh năm 1979 (mẹ đẻ cháu T2:
 Địa chỉ: Thôn Đồng Tâm, xã Minh Quang, H. U , TP. Z
 + Ông Ngô Đức H, sinh năm 1966 cùng vợ là bà Lê Thị Hương, sinh năm 1971.
 Địa chỉ: Thôn Vồng, xã Minh Quang, huyện U, TP. Z.
 + Ông Đồng Xuân B, sinh năm 1945 cùng vợ là bà Khuất Thị P, sinh năm 1952;
 Địa chỉ: Khu 8, xã ĐT, huyện TT, tỉnh PT.
 + Bà Trương Thị D, sinh năm 1934
 Địa chỉ: Thôn Sồ, xã Minh Quang, huyện U, TP. Z
 + Bà Ngô Thị M, sinh năm 1953
 Địa chỉ: Thôn Vân Hội, xã Phong Vân, huyện U, thành phố Z.
 + Bà Ngô Thị T3, sinh năm 1949 cùng chồng là ông Đào Xuân L, sinh năm 1945;
 Địa chỉ: Thôn Vân Hội, xã Phong Vân, huyện U, thành phố Z
 + Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1970
 Địa chỉ: Khu 9, xã Tiên Kiên, huyện Lâm Thao, tỉnh PT.
 + Cháu Nguyễn Thị Thùy T4, sinh năm 2009 và cháu Nguyễn Đức Đ, sinh năm 2013;
 Người giám hộ cho cháu T2 và cháu Đ: Chị Phí Thị Hà, sinh năm 1991 (Mẹ đẻ cháu Đ và cháu T2); Địa chỉ: Khu 13, xã ĐT, huyện TT, tỉnh PT.
 + Cháu Lê Hồng Q, sinh năm 2004
 Người giám hộ cho cháu Quân: Anh Lê Kim Lý, sinh năm 1979 (Bố đẻ cháu Quân);
 Địa chỉ: Khu 8, xã Sơn Thủy, huyện TT, tỉnh PT
 + Bà Lưu Thị Xuân, sinh năm 1953
 Địa chỉ: Thôn Hoàng Long, xã Tản Lĩnh, U, Z
 - *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
 + Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1984.
 Địa chỉ: Thôn HP, xã Y, huyện X, tỉnh V
 + Chị Nguyễn Thị Hải Y1, sinh năm 1987
 Địa chỉ: Thôn ĐT, xã Y, huyện X, tỉnh V
 + Bà Đào Thị Dương, sinh năm 1955
 Địa chỉ: Xã Y, huyện X, tỉnh V

3. Vật chứng cần đưa ra xem xét tại phiên tòa:

Không.

Nơi nhân:

- VKSND huyện TT;
- Bị cáo;
- Người bị hại
- Người có QL,NVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Hồng